

16°
Indoch
420

THOẠI SÁCH GIẢI-TRÍ

LÊ-VĂN-CHÁNH

CỔ-KIM
ĐỒNG-THOẠI

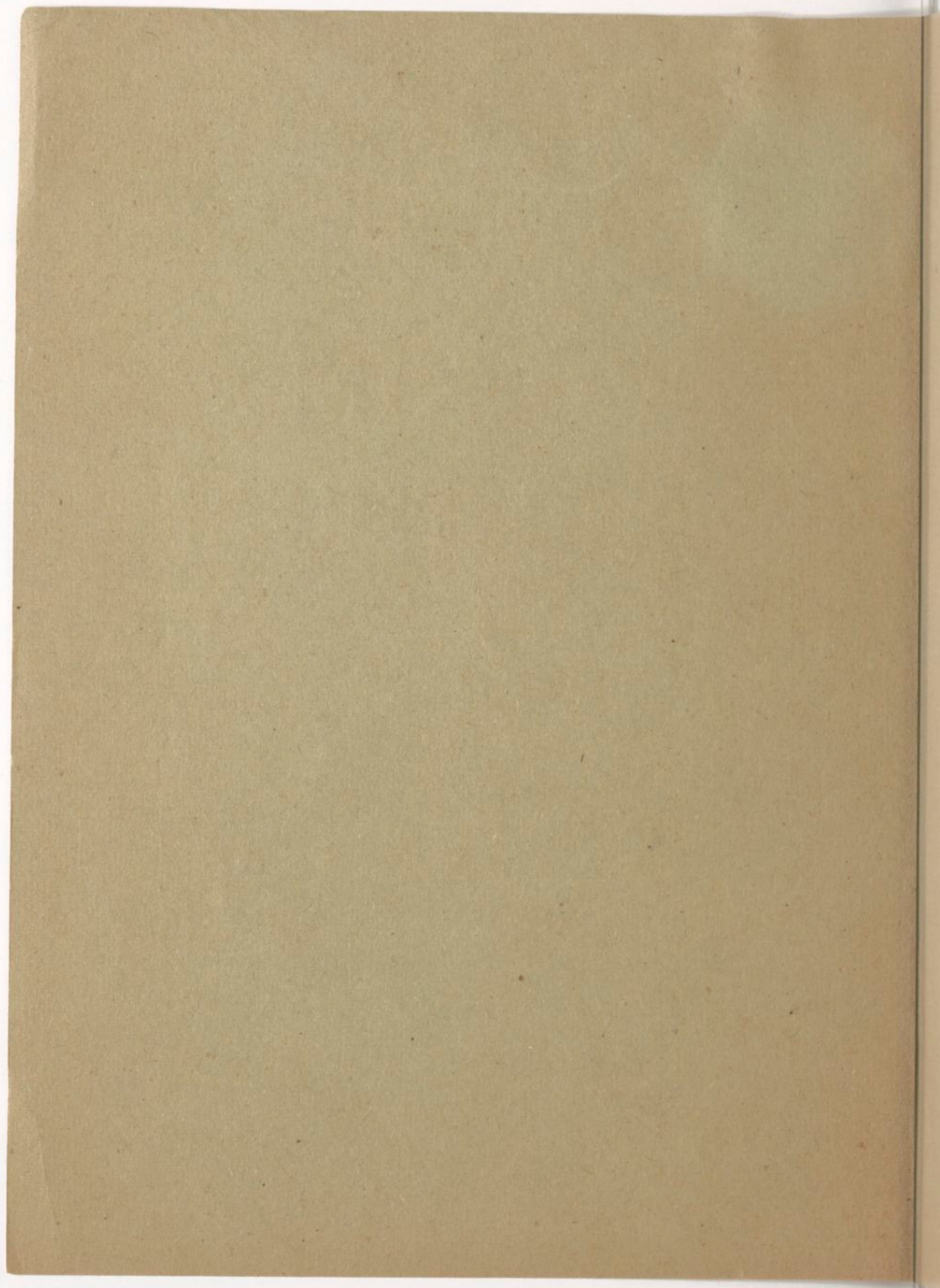
16°
Indoch -
420



MINH-TÂN

PARIS

420



CỔ-KIM ĐỒNG-THOẠI

DL 11308

6-10-51 A

1

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

(Tại nhà Xuất-bản **Minh-Tân**, Paris)

Đã xuất-bản :

BÀI ĐỌC QUỐC-VĂN (I, II, III)

Lớp nhứt, lớp nhì tiểu-học.

CỔ-KIM ĐỒNG-THOẠI

Sẽ xuất-bản :

HỌC TIẾNG VIỆT-NAM

Lớp nhứt và lớp nhì trường sơ-đẳng.

CÁCH-TRÍ

Sơ-đẳng tiểu-học.

ĐỘNG-VẬT-HỌC yếu-lược

Đệ nhứt, đệ nhị niên cao-đẳng tiểu-học.

LÊ-VĂN-CHÁNH

^{2A}
CỔ-KIM
^{VA}
ĐỒNG-THOẠI



~~16 Indochin.~~
~~1724~~

NHÀ XUẤT-BẢN
MINH-TÂN
7 Rue Guénégaud 7
PARIS-VI^e

13-VAN-CHANH

CỔ-KIM

BÔNG-THOẠI

13-VAN-CHANH
CỔ-KIM
BÔNG-THOẠI

Lời nói đầu

Kể ra thì ở nước ta không phải không có những **đồng-thoại** lấy nguồn-gốc từ lớp bình-dân, mà từ xưa nhờ khẩu truyền hoặc nhờ ghi-chép mà vẫn được tồn-tại đến nay. Đi qua một hàng sách, chúng ta thấy nào là Chuyện con Tấm và con Cám, thơ Nàng Út, thơ Chàng Nhái v. v . . . ; nhưng thiệt ra thì những chuyện ấy không phải viết riêng cho trẻ con hay cho học-sinh.

Phần đông trẻ con ưa nghe kể chuyện. Ban hôm lúc quây-quần theo bên ông bà, chúng hay yêu-cầu ông bà kể cho nghe một chuyện. Ở học-đường, sau một buổi học nhọc-nhăn, không có gì làm cho các cậu học-sinh vui bằng một mẩu chuyện vắn-vắn đượm-đà không-khí huyền-bí. Ai đã đi ngang qua bảng nhà trường đều hiểu tâm-lý ấy.

Nên chúng tôi, có ý giúp tay vào sự giáo - dục trẻ con, mới phiên-dịch hoặc dựa theo tác-phẩm của người mà viết ra mấy chuyện sau đây, gọi là **Cổ kim đồng-thoại**.

Mỗi câu chuyện có thể là một bài luân-lý, vì bao giờ chúng ta cũng thấy đức-hạnh thì được khen-thưởng và gian-tà thì bị trừng-phạt.

Về phương-diện văn-chương chúng tôi không có cao-vọng gì khác là viết cho trẻ con đọc dễ hiểu, nên dùng lối văn giản-dị, không bóng-bẩy rườm-rà.

Mỹ-tho, ngày 1 tháng ba 1948.

Soạn-giả : **Lê-văn-Chánh**.

Lời nói đầu



Cỗ-kim đồng-thoại

1. — Gã tiểu-phu xác-xược.

Có một gã tiểu-phu kia nghèo xơ, nghèo xác, sự-nghiệp tóm-tắt trong một cái mác. Ngày ngày hắn thường vào rừng đốn củi, đem đến chợ đổi lấy vài tiền đủ nuôi thê-tử. Sáng ngày thì hắn ra đi lúc bình-minh, chiều lại trời huỳnh-hôn mới cất bước trở về. Cảnh nhà chật-vật lắm. Hắn nghĩ việc một hôm là cả nhà phải bị đói-khó một hôm.

Bữa nọ thấy trong mình uể-oải, hắn cất tiếng than rằng : « Vợ con ta bữa no, bữa đói. Vả lại ta tuổi càng ngày càng già, sức càng ngày càng yếu, làm thế nào mà nuôi sống gia-đình ta cho được. Ôi ! Trong đời lại có người thiên tứ vạn chung, rồi lại có kẻ vô văn bạch thủ là có làm sao ? Tạo-công ôi ! Ông ở làm chi bất công lắm vậy ? »

Gã tiểu-phu chưa dứt lời, thì hắn nghe ở trên không có tiếng hỏi hắn nguyên-do vì đâu mà lại buông những lời tha-oán như vậy. Hắn liền đem hết tâm-sự mà giải-bày cùng tiếng thình không. Liền đó tiếng ấy dạy hắn rằng : « Nhà ngươi hãy trở về nhà, ra sau vườn, lại ngay chỗ gốc cây thị mà đào đất lên, thì ngươi sẽ gặp một hũ vàng chẳng sai. »

Nghe vậy, gã tiểu-phu chi xiết nỗi mừng, sụp quì xuống và vái rằng : « Kẻ tai phàm mắt thịt này, không thể biết thần-nhơn để mà tỏ lời cảm tạ. Vậy xin ngài mách giùm cho biết, kẻ ngu này uất-ức nỗi lòng. »

Tức thì tiếng thình không đáp lại : « Thiên-hạ gọi ta là Như-ý tiên-ông ! »

— Ôi ! muôn vàn cảm tạ tiên-ông. Ngu này xin vâng lời tiên-ông dạy.

— Được lắm, người cứ theo đó mà thi-hành, rồi nhớ sang năm đến đây mách cho ta biết công-việc làm ăn của người nhé !

— Ngu này chẳng dám sai.

Gã tiểu-phu tất-tả chạy về nhà, lấy dao ra sau vườn, đào ngay chỗ mà tiếng thình không đã chỉ. Thật quả như lời, chàng tìm được một hũ vàng to-tác. Dầu không nói, ta cũng có thể đoán được sự vui-mừng của gia-đình gã tiểu-phu là thế nào !

Từ đó, thỉnh-thoảng hắn cũng xách mác vào rừng già vờ đốn củi để cho láng diềng khỏi phải đem lòng ngờ-vực.

Đúng một năm, gã tiểu-phu cũng trở lại nơi kỳ-hẹn và kêu lên :
« Ớ đảng chí-tôn, Như-ý tiên-ông ! Tiên-ông quả là nguồn hy-vọng của kẻ ngu phu này. Tôi đến mừng ngài đấy ! »

— Có ta đây ! Trong năm qua rồi, nhà người ra thế nào ?

— Tôi cùng đảng chí-tôn, tiên-ông đã ban cho tôi phước-lộc đầy đầy. Hiện nay gia-đình tôi được hoàn-toàn no-ấm và sự-nghiep của tôi mỗi ngày một bành-trướng thêm ra.

— Ta cũng mừng cho nhà người đấy ! Nhà người còn mơ-ước điều chi nữa chẳng ? Cứ nói đi, ta sẽ làm cho mãn nguyện.

— Thừa đảng chí-tôn, hiện thời tôi giàu thì có giàu, mà sang thì chưa được sang. Vậy xin tiên-ông giúp giùm tôi, cho có một chút phẩm-hàm để tôi được hãnh-diện cùng thiên-hạ. Không cần phải nói dông-dài, tôi rất mơ-ước được lượng trên ban cho tôi chức huyện hàm cũng đủ.

— Được ! Chờ trong bốn mươi ngày, nhà người sẽ đặc-kỳ sở-nguyện.

— Muôn vãn cảm tạ ! Ngài quả là đầy lòng nhân-ái.

Rồi một năm qua nữa. Hôm ấy gã tiểu-phu mặc lễ-phục ra dáng một vị thượng quan, đạo-mạo đến gốc cây đại-thọ nơi mà khi trước nó gặp được thần-nhơn.

— Ớ Như-ý tiên-ông ! Hãy kíp đến đây, có tôi chờ đợi.

— Có ta đây ! Nhà người muốn cần-dùng ta đấy ư ?

— Tôi xin ông ban cho tôi một ân-huệ này nữa : số là vị chánh

tổng mới vừa thất lộc hôm qua. Xin ngài giúp thế nào cho con trai tôi nó tranh được chức ấy.

— Nhà ngươi muốn như vậy cũng được ! Nhà ngươi về đi, rồi trong bốn mươi ngày sẽ được sung mãn nguyện-vọng.

Quả nhiên đến ngày thứ bốn mươi, thì con trai gã tiểu-phu được bổ làm chánh tổng. Nhưng vậy mà hắn cũng chưa vừa lòng.

Qua năm thứ ba, hắn còn trở lại tìm vì tiên kia nữa.

— Ớ Như-ý ! Hãy mau giúp ta cho nên việc !

Lần này, gã tiểu-phu đường-đột gọi thần-nhơn là Như-ý.

— Việc chi đó vậy ?

— Ta muốn gả con gái ta cho một vị quan to. Thế mà có được cùng không ?

— Được chớ nào không ! Chờ trong bốn mươi gày thì sẽ có cuộc lễ thành-hôn ấy.

Bây giờ gã tiểu-phu hiêu-hiêu tự-đắc nói cùng vợ rằng . « Ta đã có bè-bạn đông-đảo, thanh-thế lớn-lao, sự-nghệp vững-vàng, vậy cần gì phải vào rừng mà tìm thần-nhơn nữa. » Vợ hắn nghe vậy khuyên rằng : « Mình không nên làm như vậy ; hãy trở lại chỗ năm xưa mà giã từ vì tiên ấy và cho ngài biết rằng mình từ đây không còn đến làm rộn ngài nữa, như vậy mới phải cho ! »

Gã tiểu-phu cũng nghe theo lời vợ, dắt theo một vài tên gia-đinh, cỡi ngựa vào rừng : « Ớ Như-ấy ! Ớ Như-ấy ! »

— Quả là đứa vong-ân phản-trắc ! Nó dám gọi một cách ngạo-ngheẽ kẻ đã từng ban phước-lộc cho nó là Như-ấy.

— Thôi ta kiếu Như-ấy nhé ! Ta không cần dùng ngài nữa. Giàu sang như ta vậy là đủ rồi.

Như-ý tiên-ông nghe hắn nói xác-xược như thế bèn đáp :

— Chắc là mi đã quên hắn cái ngày mà giữa rừng này mi than thân trách phận ; mi quên hắn cái ngày mà mi phải đồ mồ-hôi, xót con mắt đốn củi để đổi lấy số tiền tối thiểu. Lần đầu tiên mi tỏ lòng kính-phục ta ; lần thứ nhì mi kém lễ-phép ; đến lần thứ ba mi quá kiêu-căng mi chỉ gọi ngay tánh-danh ta Như-ý. Rồi bây giờ mi còn

trở lại chế-nhạo ta mà đòi tên ta là Như-ấy. Ừ ! ta nói ngay rằng mi quả là một phùng vô tâm, mi là kẻ khốn-nạn. Vậy mi hãy trở hườn khốn-nạn suốt đời mi !

Gã tiểu-phu cho những lời của thần-nhơn là những lời dọa hăm vô-lý. Hắn an-nhiên trở về nhà. Nhưng quả-nhiên chẳng bao lâu con trai hắn làm chánh tổng bổng dưng từ-trần ; con gái hắn, vợ của vị quan to kia, cũng tạ-thế. Rồi, họa vô đơn chí, hắn lại có chuyện lôi-thôi với người láng giềng. Hai đảng đâm ra kiện-tụng. Hắn thất kiện, nhà cửa lần lần sa-sút, sự-nghiệp tiêu-tan.

Bây giờ mới cất tiếng than : « Phải chăng ngày nay là lúc ta phải mất cả của tiền, ruộng đất, nhà cửa, thê-noa. Vì đâu trước kia, ta chẳng chịu vâng lời thần-nhơn. Bây giờ ăn-năn đã muộn. Ta muốn phủi sạch nợ trần cho rảnh, nhưng số còn nặng nợ trần-gian, chết thì cũng ngặt, sống càng dở-dang. »

Gã tiểu-phu gắng gượng xách mác vào rừng đốn củi để độ-nhật như ngày xưa. Nhưng từ đấy hắn không còn nghe tiếng của thần-nhơn nữa.

2. — Anh thời tiêu.

Cách đây đã lâu lắm, dân-sự ở làng Ha-mên bị khốn-khổ vì nạn chuột. Chuột từ phía bắc xuống, từng đoàn, từng lũ đông như kiến cỏ.

Bất kỳ gặp cái gì, chúng cũng phá-hoại cả. Hễ gặp một vựa lúa, thôi thì trong nháy mắt là tiêu-ma hết. Người làng đặt bẫy, dùng độc-dược để tàn-diệt nhưng không hiệu-quả gì.

Người ta mới phát-biểu ý-kiến mua cả ngàn con mèo chở từ Bờ-rơ-măn về. Té ra rồi cũng không làm gì chuột được.

Thật ra, hễ giết đi một ngàn, thì mười ngàn con khác tới, lại còn đói hơn mấy con trước. Nói tóm lại, nếu không tìm được phương-thế nào mà trừ tai-ách ấy thì dân-sự làng Ha-mên phải chết đói.

May thay ! một ngày thứ sáu kia, có một người lạ mặt, cao lớn mà ốm, da sạm đen, mắt lộ, miệng rộng, vận một bộ y-phục màu đỏ lói, đầu đội một chiếc nón lớn có giắt lông chim, chơn mang đôi giày diềng màu lửa, ra mắt ông cả trong làng. Nó mang theo một cái túi nhỏ.

Người ấy bàn bạc cùng ông cả, đề lãnh trách nhiệm làm tuyệt chuột, nếu ông bằng lòng thưởng cho một trăm bạc.

Ông cả và dân-sự đều mừng và bằng lòng ngay. Liền đó, người lạ mặt rút trong túi ra một ống tiêu nhỏ bằng đồng. Rồi ra giữa sân chợ, thổi lên một âm-diệu kỳ lạ, mà tự thuở giờ không ai nghe.

Tiếng tiêu trầm bổng, réo-rắt lên thì từ trong vựa lúa, từ trong lỗ tường, từ trên nóc nhà, cả trăm, cả ngàn chuột tề-tựu chạy tới chỗ anh ta. Người lạ mặt, khi ấy vừa thổi tiêu vừa lần bước về phía sông Huơ-de. Anh ta lột giày ra rồi đi ngay xuống nước, đằng sau theo một đám chuột không thể đếm. Cả bấy đều bị ngột nước chết và nhờ vậy mà làng Ha-mên không còn con chuột nào hết.

Đoạn người lạ mặt trở lại công-sở đề lãnh thưởng. Nhưng ông cả và dân-chúng trong làng, bấy giờ hết sợ nạn chuột, muốn đánh lừa anh thổi tiêu. Thay vì thưởng cho anh một trăm đồng, người ta chỉ đưa cho anh có mười đồng.

Anh kêu nài ; không ai đếm xỉa gì đến lời anh. Anh mới hăm rằng : « Nếu các ngài không giữ lời hứa thì các ngài sẽ bị tai-ách nặng hơn. »

Ai nấy đều cười rộ và xua đuổi anh ra khỏi công-sở, lại còn cho anh cái tên ngộ-nghĩnh là « chú chàng bắt chuột. »

Ra đường trẻ con, từng tốp, từng đoàn theo sau lưng anh ta và hô to lên rằng : « Chú chàng bắt chuột ! Chú chàng bắt chuột ! »

Qua tuần sau, cũng vào ngày thứ sáu, người lạ mặt ra giữa sân chợ. Bận này anh lại đội nón màu đỏ, lật vành lên phía trên một cách lạ lùng. Anh rút trong túi ra một ống tiêu khác hơn cái trước, rồi bắt đầu thổi.

Anh vừa thổi lên, bao nhiêu trai trẻ từ sáu tuổi đến mười lăm tuổi đều theo anh mà ra khỏi thành.

Dân-sự làng Ha-mên đi theo đoàn trẻ ấy tới một cái hầm — mà bây giờ đã bít lại — ; anh chun vào trong, rồi đến tốp trẻ. Người ta nghe văng-vẳng tiếng tiêu một chập rồi dứt mất.

Các trẻ ấy mất tích luôn và từ đó không còn ai nghe tin-tức gì của chúng nó hết.

Dịch theo Prôt-pe Mê-ri-mê.

3. — Chị Cỗ-Phi.

Thuở xưa có chị kia nghèo khổ quá, nghèo đến nỗi không nhà ở, chỉ ở trong một cái thùng lủng.

Một ngày kia, trời mưa tầm-tã, thành-linh có ông thầy phù-thủy, biến ra người ăn mày, đi ngang qua đó. Chị Cỗ-Phi nói rằng : « Ủa ! Kìa, còn có người nghèo hơn tôi nữa chớ ! Này anh hãy vô thùng đây đề đụt, đợi qua cơn mưa đã. »

Thầy phù-thủy vô và dòm chị Cỗ-Phi. Ông thấy thân-hình và bộ-diệu chị rất tiều-tụy. Ông mới hỏi : « Hiện giờ, chị mơ ước điều gì ? »

— Tôi tưởng tới cái hạnh-phúc của kẻ có một ngôi nhà nhỏ, cất trong một vườn hồng đầy cải và các thứ rau khác.

— Được ! Vậy chị sẽ có cái đó, vì chị đã ra ơn cho tôi đụt mưa.

Ngày sau quả như vậy, chị Cỗ-Phi thức dậy thì không thấy cái thùng lủng nữa ; chị thấy chị ở trong một cái nhà nhỏ, sạch-sẽ, cất giữa một vườn đẹp-đẽ.

Sáu tháng sau, thầy phù-thủy trở lại chốn ấy.

— Này chị Cỗ-Phi, chắc bây giờ chị sung-sướng lắm hả ?

— Thôi đi ông ! Nín đi ! Sung-sướng gì ? Đã nghèo mà lại từng tuổi này, có gì khổ bằng. Tôi sống cô-độc, phải dầm sương trải gió để đi chợ mua ăn. Tôi hết sức tiếc, chớ phải chi ông biến-hóa làm sao cho tôi trở nên giàu để dưỡng thân già thì...

— Được ! Tôi sẽ làm phép cho chị trở nên giàu.

Ngày sau, khi chị Cỗ-Phi thức dậy thì thấy rộn-rực trong nhà. Dòm xung quanh thì thấy chị đang nằm trên cái giường túa đầy những ren, ở chính giữa căn phòng bài-trí toàn là bàn ghế quý-giá. Liền đó có con đòi bước vô và nói rất cung-kính rằng :

« Tôi đợi bà ra lệnh để thay y-phục cho bà và để cho người dọn bữa lót lòng. »

Đây kêu bà, chỗ khác gọi bà. Chị ta không hết ngạc-nhiên. Nhưng chị cũng ngồi dậy để cho con đòi chải tóc, thay y-phục và trang-sức hộ. Khi chị dòm vô gương lớn, thì chị còn do-dự chưa chắc hình người trong kiến là hình của chị. Nhưng một phút thôi. Chị tin thiệt rằng đã trở nên giàu. Từ đó, hết đông sang xuân, ngày ngày tiệc yến linh-đình.

Qua mùa hè, thầy phù-thủy mới đón chị Cỗ-Phi trên con đường chị thường hay đi. Vừa thấy chị đang đi cùng tôi đòi, thầy phù-thủy nói :

« Sao, chị Cỗ-Phi, lúc này chị không ao ước gì nữa phải không? »

Thầy phù-thủy ăn mặc rách rưới. Chị « nhà giàu mới » đi qua có vẻ khinh-miệt, lại cũng chẳng trả lời gì hết.

— Ua ! Chị Cỗ-Phi, chị không nghe hả ?

Chị ngoảnh lại, bộ giận-dữ, bím môi mà rằng :

— Này chú, chú phải biết rằng chú lấy làm có phước mà hầu chuyện cùng bà công-chúa Cỗ-Phi đây nghe không ? Nếu chú còn gọi ngang-tàng như thế, tôi sẽ cho tôi đòi nó đánh chú a !

Nói rồi chị bỏ đi.

Tảng sáng bữa sau, khi chị ta thức dậy, đèn dài, tôi đòi, đồ trang-sức, biển đầu mất hết. Chỉ thấy trơ-trọi cái thùng lủng trước kia.

Dịch của Gô-chê Huy-le.

4. — Ông sáo biết nói.

Thuở xưa kia, có một ông vua đã già. Ông có ba người con. Ông biết mình cũng gần ngày lên tiên, nên muốn nhường ngôi lại

cho con, nhưng không biết phải đặt đứa nào lên ngôi báu, vì ông thương cả ba, không ai nhiều ai ít hơn ai.

Một hôm, vua cha mới bảo ba hoàng-tử lại bên mình và phán rằng : « Này các con ! cha biết rằng cha không còn sống bao lâu nữa. Đến ngày cha băng rồi, thì ngôi báu sẽ về một đứa trong ba con. Thật cha không biết để ngôi cho đứa nào. »

Ông hoàng-tử thứ hai nghe đến đấy, liền nói thầm rằng : « Thì về tôi chứ ai. Tôi là con cả, tôi phải lên ngôi báu. Tôi sẽ làm vua. »

Vua cha thấy hoàng-tử thì-thăm và đổi sắc mặt, thì nói rằng : « Đây là ý cha đã định. Bây giờ là cuối hạ. Vậy mỗi con phải đi tìm cho cha một cái hoa thật đẹp. Hoa của đứa nào đẹp hơn hết thì đứa ấy làm vua. Mà cha nhắc lại cho các con nhớ, phải thương yêu lấy nhau nhé. Thôi bây giờ, hãy đi đi ; đến cuối thu sẽ về. »

Rồi cả ba hoàng-tử ra đi. Chúng họp nhau dưới tàn cây đại-thọ. Hoàng-tử thứ hai chỉ cho hai em mình và nói rằng :

« Kìa, hai em thấy đám rừng kia không ? Anh sẽ vào đấy tìm hoa. Ba tuần lễ nữa, chúng ta cũng sẽ hội-hợp tại chỗ này. » Nói rồi ông mới ra đi.

Hoàng-tử thứ ba nói với em út rằng :

« Anh từ giả em, đề lên đỉnh núi kia. »

Hoàng-tử út trả lời : « Còn em, em sẽ xuống biển để tìm hoa cho cha. »

Nói đoạn chúng ôm nhau hôn rồi mạnh ai đi đường nấy.

Hoàng-tử thứ hai bôn ba một mình trong giữa rừng bụi. Cây cỏ đơm bông trổ trái. Biết bao nhiêu thứ hoa thơm, cỏ lạ ; trên cành chim-chóc líu-lo, dưới suối ro-re ngọn nước.

Một chiều, sau mấy ngày đường mệt mỏi, ông vào tận trung tâm khu rừng. Ngài chỉ nghe tiếng cây lá cọ nhau xào xạt, làm cho bầu không-khí càng thêm vắng vẻ. Ngài chợt thấy một cây cổ-thụ, rễ chằng-chịt như cả ngàn rắn đánh đéo nhau, bò lan trên mặt đất. Tàn cây bao phủ cả một khoảng rộng mênh mông. Thân cây vượt khỏi

chôm rùng và như chúa loài thực-vật, nó che chở tuyết sương cho tất cả cây cỏ mọc dưới bóng nó.

Hoàng-tử đang ngắm xem một cách kính cẩn, thì ngài vùng thấy trên cành ngàn chim kỳ lạ nháy hót quanh một lùm lá xanh tươi. Trong ấy một đóa hoa to lớn, màu đỏ như huyết, đã nở bét ra. Ngài leo lên để hái, xong rồi mới trở về, thì-thăm một mình : « Chắc sao bông ta cũng là đẹp nhứt. »

Còn hoàng-tử thứ ba lặn suối trèo non, đi khắp các nơi, từ đồng bằng đến đỉnh đồi, trải sang mấy vực thẳm, để tìm cho ra đóa hoa cực-kỳ đẹp. Ngài băng đồng sa-mạc, lên tận đỉnh núi đầy tuyết giá mà không than mệt nhọc.

Đến một nơi cao vọi vọi mà từ thuở đến giờ chưa con chim nào bay đến, ngài thấy một cái bông màu xanh da trời thật đẹp, thật tươi. Ngài vùng la lớn rằng : « À đây rồi ! Bông này của ta. » Ngài bươn bả lại, hái lấy bông xanh cầm nơi tay, lòng mừng khắp khởi, mau mau xuống núi, nhẹ-nhàng lạnh lẽ như con sơn dương.

Còn hoàng-tử út thông thả đi từ làng này đến làng nọ, ra tận bãi biển. Loài hải-diều lượn qua lượn lại trên mặt nước như dẹt cử. Ngài chẳng trông thấy gì ; ngài mới định xuống tận đáy biển để tìm kỳ hoa.

Ngài trải sang bao nhiêu thủy động, trông nhiều cảnh vật lạ lùng. Ngài đến một cung điện kia rất nguy-nga, tô điểm ngọc ngà châu báu. Bên trong lại có một đoàn tiên-nữ đang múa hát êm đềm. Khi thấy hoàng-tử út đến, thì chúng đồng thanh nói : « Kìa, hoàng-tử đã tới ! Xin mời ngài vào. »

Nhưng hoàng-tử không màng để ý, mặc tình các tiên-nữ kêu ca. Ngài vẫn làm lơ, đi quanh ngã khác. Ngài chợt thấy một đóa hoa vàng, đang lơ-lững trên cành, chói lòa như một thái dương nhỏ. Đưa hai tay, ngài nựng lấy đóa hoa và nhẹ-nhàng hái lấy, ôm hoa vào lòng. Đoạn ngài trở lên mặt đất.

Nơi kỳ-hẹn.

Hoàng-tử thứ hai về trước, ngồi dưới gốc cây đại-thọ chờ các

em. Nhưng cặp mắt ửng đỏ dường như uất ức điều chi. Ông vụt đứng dậy, giắt hoa huyết trên nón. Ngài thấy hoàng-tử thứ ba đang xa đi lại, trên tay cầm một cành bông màu xanh tươi thắm. Ngài làm bộ vui cười và khen rằng : « Đóa hoa xanh thật đẹp, chắc là em sẽ được ngôi báu rồi. »

— Phải, tôi cũng chưa từng thấy màu xanh nào tươi thắm như thế này. Nhưng tôi không phải ham ngôi báu đâu. Anh là anh cả, tất nhiên anh phải được cha truyền ngôi.

Mấy lời nói làm cho hoàng-tử thứ hai hết sức vui lòng. Ngài nói tiếp :

« À còn em út chúng ta đâu ? Không biết nó tìm được hoa nào không ? Trời đã chiều, sao nó về trễ quá. Vậy em hãy đi đón nó coi. Để anh ngồi đây đợi. »

Hoàng-tử thứ ba đứng dậy, ra đi. Một lát sau thì hoàng-tử út về đến, miệng chum-chím cười. Trên ngực đeo một cái hoa màu vàng chói lọi như ngôi sao. Thấy vậy, hoàng-tử thứ hai đã nổi giận nói rằng : « Phải em út đó không ? »

— Phải.

Bông huỳnh-hoa càng chói, hoàng-tử thứ hai càng tức giận, vì bông của mình phải nhường vẻ đẹp. Ngài lượm một hòn đá nhọn, thừa lúc em út vừa đến, đập trên đầu một vố thật mạnh. Hoàng-tử út, ơ-hờ bị đánh mạnh, ngã ra chết tức tốc không nói được lời gì. Hoàng-tử thứ hai mới đào lỗ chôn em trong cánh đồng.

Qua ngày sau, vua cha không thấy hoàng-tử út về, mới dạy triều thần và quân hầu tìm kiếm khắp nơi. Chúng ruồng trong rừng sâu, mò dưới ao đầm, trèo lên núi cao, vượt qua đồng bằng ; chỗ nào chúng cũng để dấu vết nhưng tấm dạng hoàng-tử thì hẳn chẳng thấy đâu.

Vua cha buồn rầu và than rằng : « Ta nghĩ ta còn vô phúc hơn hoàng-hậu hiện ở tuổi vàng. » Ngài biếng ăn, biếng uống ; cứ ở trong cung mà khóc con.

Ống sáo biết nói.

Ngày lụn tháng qua, thời-gian trôi đi, nhưng mối sầu của vua cha không thấy giảm.

Khi kia, nhằm một buổi sáng, trời thanh bạch, một cô mục-đồng đuổi chiên qua chỗ mà hoàng-tử út bị giết một cách tàn khốc. Cô vấp phải một vật nằm dưới cỏ. Lượm lên và nhìn xem thì thấy nó là một khúc xương nhỏ trắng và dài như ống sáo. Cô mới kê vào môi thổi, thì bỗng nghe văng-vẳng từ trong lòng sáo đưa ra một câu làm cô hết sức ngạc-nhiên : « Này cô chẵn chiên ! Này cô chẵn chiên ! Thôi đi, thôi nhẹ nhẹ vậy. Người ta đã dùng hòn đá nhọn để giết tôi. »

Cầm ống sáo nơi tay, cô gái mới nhớ lại vụ hoàng-tử út biệt tích. Cô lật-đật đi tới đền và xin vào bệ kiến nhà vua.

« Muôn tâu bệ-hạ, con xin dâng bệ-hạ ống sáo này ; có lẽ nó có tâm-sự trần-tố cùng bệ-hạ. »

Nhà vua lấy ống sáo, vừa thổi lên thì nghe :

« Thừa cha ! Thừa cha ! Thôi đi, thôi nhẹ nhẹ vậy. Người ta đã giết con bằng hòn đá nhọn. »

Vừa dứt thì nhà vua ngã ra bất tỉnh ; mặt mày tái lét. Khi tỉnh lại vua bèn phán rằng :

« Rõ-ràng là tiếng con ta. Rõ-ràng là tiếng của con yêu dấu ta. »
Rồi ngài tức-tưởi khóc.

— Ta sẽ trả thù cho con ta. Ta tin chắc rằng con ta sẽ nói cho ta biết tên kẻ sát-nhân.

Hoàng-tử thứ ba mới lấy ống sáo thổi, thì lại nghe :

« Anh ba yêu dấu ! Thôi đi, thôi nhẹ nhẹ vậy. Người ta đã giết em bằng một hòn đá nhọn. »

Trong khi ấy, hoàng-tử thứ hai lánh mình trong góc điện và run-rẩy cả tay chơn. Vua cha mới bảo hoàng-tử ra thổi thử. Hoàng-tử dơ tay lấy ống sáo, nhưng mặt mày xanh lét. Bỗng từ trong lòng sáo thổi ra mấy lời thê-thảm : « Này anh hai ! Này anh hai ! Thôi đi, thôi nhẹ nhẹ vậy. Với một hòn đá nhọn... » Đến đó, tiếng sáo

tắt mắt. Vua cha không nghe được gì nữa. Ngài đăm-đăm ngó hoàng-tử thứ hai, và bỗng-nhiên trong lòng sanh ra một mối ngờ-vực. Ngài đưa tay lên vuốt râu, nhưng mấy ngón đều run run.

— Không thể được ! Không thể được !

Ngài nói lớn để đánh tan một ám-ảnh trong trí ngài.

« Không thể nào tin một câu nói mà không căn-cứ ! Nhưng làm sao ta cũng trả thù cho con ta. Chừng ấy ta nhắm mắt mới hả dạ. »

Ngài ra lệnh cho quần-thần phải tìm cho được kẻ sát-nhân.

Thú tội.

Từ ngày ấy, một không-khí nặng-nề bao trùm cả nước. Một luồng gió nghi ngờ thổi qua trong đám dân lành. Anh em nghi-ky nhau, cha con ngờ lẫn nhau. Ai ai cũng trông cho vụ hoàng-tử út chóng ra manh-mối.

Trong lúc ấy, hoàng-tử thứ hai bị tiếng sáo ám-ảnh, tâm-thần bấn loạn, lương tâm nặng-nề, bứt-rứt. Ngài tìm nơi rừng sâu núi thẳm để ẩn mình, nhưng nào có tránh được nỗi lo-âu. Sự hối-hận đeo theo tâm-trí ngài cũng như bóng với hình, và ngài than rằng :

« Ta đã gây ra án-mạng không thể tha-thứ, chỉ còn có cách nhảy xuống sông tự-tử, họa may mới tránh khỏi sự quả phạt của lương-tâm. »

Rồi thỉnh-thoảng lại nghe tiếng than của em văng-vẳng bên tai :

« Này anh hai ! Này anh hai ! Anh đã giết em thì, muốn được yên trí, anh phải chịu lấy sự trừng-phạt. »

Hoàng-tử thứ hai mới trở về ra mắt vua cha đặng chịu tội.

Khi ấy vua cha và hoàng-tử thứ ba đang ngồi gần cửa sổ ngắm cánh đồng hiu-quạnh. Làm như có ai báo trước cho ngài, ngài vùng dậy lại thì thấy hoàng-tử đang quì mọp dưới đất như kẻ cầu-khẩn việc gì. Ngài lật-đật đứng dậy, mối nghi-ngờ từ bao giờ đã biến thành một tin xác-thực hiển-nhiên.

Ngài hiểu rõ ngay, và hoàng-tử thứ hai nói :

« Con cúi xin cha tha-thứ cho con. Vì con đã ganh-tị mà gây

ra án-mạng. Con đã ăn-năn và cúi xin cha cứ lấy lẽ công mà trừng-trị. »

Vua cha nghe mấy lời, bắt người choáng váng, rồi trong cơn thanh-nộ, ngài phán rằng :

— À vậy ! mi đã thú tội. Ta sẽ cho ngựa dẫm nát xương mi.

— Ý cha đã quyết, con đâu dám chằng vưng.

Ngay khi ấy, trên không bỗng có tiếng thâm - trầm, êm dịu phát lên. Mọi người đều tưởng mình mơ-mộng. Tiếng ấy nói rằng : « Thừa cha ! Thừa cha ! máu hờn của con đã rửa. Vua cha nên tha-thứ cho kẻ sát-nhơn, vì nó đã ăn-năn hối-hận. »

Vua cha té xỉu trên ghế, hai hàng nước mắt chảy rọc trên đôi má cốp của ngài. Ngài xuất mồ hôi và bảo rằng :

« Ta không an trong mình. Đầu bắt choáng váng. Chắc ta không còn sống được. Mẹ các con đợi ta ở tuổi vàng và em út các con đã rộng lòng tha-thứ. Ta yếu quá rồi, hãy đỡ ta vào giường. »

Trên không lại có tiếng nói :

« Thôi đi, thôi nhẹ nhẹ vậy. Thừa cha, con cầu cha an giấc ngàn thu và linh-hồn cha được tự-toại nơi cực-lạc. »

Vua cha tắt thở và các con đều than khóc mẩn tiếc không cùng.

Hoàng-tử thứ hai mới nói với em rằng : « Này em ! Anh đã dấy tội lỗi, vậy thì em hãy lên ngôi báu để trị vì. Còn anh, để anh ra đi, rày đây mai đó, làm lụng nuôi thân dặng đèn bù tội cũ. Anh thề sẽ hết lòng cứu giúp những kẻ yếu hèn. »

Khi hoàng-tử thứ ba lên ngôi báu rồi, thì ngày kia, lúc anh ngài từ giã ra đi, ngài đưa anh ra tận biên-giới. Ngài trông theo anh ngài cho đến khi khuất dạng sau chân trời mới trở lại.

5. — Chú « Lầm-bầm ».

Cách đây đã lâu rồi, có một anh nông-phu kia khờ-khật, nghèo-nản, vất-vả, mà lại đông con. Anh làm không đủ nuôi gia-đình. Mai rau chiều cháo, mà cũng chẳng có cho vợ con đỡ lòng.

Anh đâm ra chán-nản và dễ quên nỗi khổ, anh mới tập uống rượu, uống chè. Hễ uống vào thì anh làm-bầm, cắn-nhằn, cười-nhười, vợ con chịu đả không xiết. Đi đến láng giềng thì than nghèo than khó ; gặp ai cũng than trách cơ-hàn. Thét rồi người ta cho anh cái tên là chú « làm-bầm ».

Một buổi sáng kia, khi ra đồng cày xong, anh vào nghỉ dưới bóng một cây đa to, để một lát sau có tiếp-tục công việc. Anh dỡ gói cơm ra ăn ; thấy cơm với muối thì bắt nhớ cảnh nghèo, mới than-thở trách sao trời đất không công.

Bỗng đâu một cụ già đầu bạc phát-phơ, râu dài chấm rún, chống gậy tre đi tới. Ông đi ngay lại chỗ anh nông-phu và nói rằng :

« Ta thấy cảnh nhà ngươi nên đem lòng thương xót. Vậy ta cho ngươi cái giỏ này ; ngươi đem về, nó sẽ giúp cho ngươi đủ đồ ăn nuôi gia-đình. »

Cụ già đưa cho anh một cái giỏ nhỏ ; anh cầm lo le, xem soi nhưng trong lòng nghi hoặc. Ông già mới nói tiếp :

« Ngươi chẳng nên nghi ngờ. Đó là hoa-lam. Ta đây là Tiên-ông ở núi kia. Hễ ngươi nói « Hoa-lam ! hãy biến phép mầu đi ! » tức thì trong giỏ có đủ đồ dùng. Mà ngươi nên nhớ, đừng có thất-lộ với ai hết. »

Nói rồi, Tiên-ông biến mất. Chừng ấy, anh nông-phu mới tin chắc mình được phép báu. Anh lật-đật về nhà để khoe với vợ con. Khi đi ngang qua quán rượu, thấy hai vợ chồng lão quán đang sang rượu. Mùi bay nồng nực, anh bắt thèm, bèn vào quán định uống một chung.

Lão quán cũng là bợm rượu, hai người gặp nhau chén tạc chén thù nên chẳng bao lâu cả hai đã xoàng xoàng. Lão quán nói :

« Rượu thì có mà đồ nhắm thì không, như vậy rượu cũng không mấy ngon ! »

— Được lắm ! Thiếu chút nữa tôi quên mất.

Anh lấy hoa-lam ra, miệng nói : « Hoa-lam ! hãy biến phép mầu đi ! » Tức thì, từ trong giỏ túa ra biết bao nhiêu đồ trân châu mỹ-vị.

Hai vợ chồng lão quán thấy vật quý muốn đoạt, nên phục rượu cho anh nông-phu say mềm, rồi đem giỏ khác ra đổi.

Đến chừng tỉnh rượu, anh ta ra về. Đến nhà, bảo vợ con ngồi lại mâm ăn để anh biểu đồ ăn cho mà coi.

Anh lấy giỏ ra hô to : « hoa-lam ! biến phép màu đi ! » Vợ con bu lại, chăm chăm ngó cái giỏ để coi có những gì.

Trông hoài mà không thấy gì hết, anh nông-phu nói :

« Sao lại kỳ thế ! mới rồi đây, nó biến hóa lạ lùng, sao bây giờ phép lại hết linh ! »

Anh đứng dậy bươn bả ra đi, định lên hỏi Tiên-ông. Vừa đến nơi, anh gặp ông già chống gậy lum khum dưới cây đa. Anh thuật hết đầu đuôi tự sự, nhưng giấu không nói đến chuyện ăn uống ở quán.

Tiên-ông bảo :

« Thôi ta cho nhà ngươi vật báu khác. Đây là một con gà. Nó biến hóa vô cùng. Hễ ngươi nói : « Linh kê ! Biến phép màu đi ! » tức thì nó hả miệng nhả ra ngọc ngà châu báu ; chừng đó ngươi sẽ lấy đó mà xài. Mà ngươi hãy nhớ đừng tiết lộ việc này với ai nhé ! »

Anh nông-phu mừng rỡ bội phần, từ tạ Tiên-ông trở về nhà. Vừa thấy bóng anh ta thì hai vợ chồng lão quán mời vào, lật đặt dọn rượu ngon đồ nhắm đầy bàn. Uống vừa ngà ngà, anh muốn khoe báu, mới bắt gà lại để trên bàn và nói rằng : « Linh-kê ! biến phép màu đi ! »

Dứt lời, gà những cồ như muốn gáy ; từ mỏ tuôn ra ngọc ngà châu báu quý giá vô cùng. Hai vợ chồng lão quán sanh lòng tham, muốn đoạt ngay vật báu, mới làm bộ ân - cần mời anh nông - phu uống rượu. Uống thôi say mềm, không còn biết đầu đuôi gì nữa, anh đánh một giấc li-bì đến tối đen mới tỉnh dậy.

Lơ ton về nhà, muốn lòn vợ con, anh bèn đem gà ra bảo : « Linh kê ! hãy biến phép màu đi ! » và tin chắc rằng bận này, vợ con sẽ ngạc-nhiên mà thấy ngọc ngà vàng bạc đầy nhà.

Ai dè, anh hô mặc anh, gà quây quần như mắc đẻ, mà không nhả vật gì hết.

Chắc chắn là bị lừa, anh mới thuật rõ đầu đuôi tự sự cho vợ con nghe và định trở lại chỗ Tiên-ông cư trú dâng trả hai vật lại cho ngài.

Sáng ra, anh xách gà đi một nước. Đến nơi thì thấy Tiên-ông hiện ra trước mặt.

— Trăm lạy Tiên-ông, dám xin ra mắt ngài và trả lại cho ngài hai vật báu. Nó không biến hóa gì ráo. Vợ con tôi trước kia bữa đói bữa no nay cũng huren bữa no bữa đói.

Anh đưa hai món vật cho Tiên-ông. Ngài cầm lấy mà rằng :

— Nhà ngươi khờ-khật quá. Hai món này không phải là vật báu của ta. Ất là có người đổi. Vậy ngươi hãy thú thật. Nhà ngươi có tiết lậu với ai không ?

Anh nông-phu nghe nói, mới định trí lại và nghi cho vợ chồng lão quán.

— Thôi chắc rồi ! Hai vợ chồng lão quán gạt con để lấy vật báu. Để con đi đòi lại.

— Đây ! nhà ngươi đem túi này theo. Nó sẽ giúp ngươi lấy của báu lại. Nếu chúng không trả, ngươi hãy mở túi ra hô : « Hồ-tiên ! hãy giúp ta ! », tự-nhiên ngươi sẽ thấy hiệu-quả.

Anh nông-phu kiếu từ và chạy về nhà lão quán. Đến nơi, không phân phải quấy gì, anh mở ngay túi ra, rồi hô lên : « Hồ-tiên ! hãy giúp ta ! »

Tức thì trong túi xẹt ra một làn trắng, mềm, dài ; nó đập túi bụi hai vợ chồng lão quán luôn cả và chú nông-phu. Chúng không biết đâu mà đỡ, không biết đâu mà trốn cho khỏi. Thét rồi, cả ba đồng quì xuống vái van cầu khẩn xin tha.

Bỗng-nhiên, ngoài cửa Tiên-ông bước vào bảo roi hồ-tiên : « Hãy ngưng lại ! » Ngọn roi thần chun vào túi. Tiên-ông mới nói cho hai vợ chồng lão quán biết vì đã phạm vào tội tham-lam nên phải đòn. Còn gã nông-phu, vì phải tội hờ môi và say sưa mới bị hình-phạt. Hai vợ chồng lão quán lật đật đem hai báu vật trả lại cho Tiên-ông. Ngài bảo anh nông-phu rằng : « Nhà ngươi hãy bỏ

tật rượu chè và tánh lằm-bằm thì sẽ được no ấm trong gia-đình.»
Nói đoạn, Tiên-ông biến mất.

Quả thật, từ đó về sau anh nông-phu lo chuyên cần làm lụng, vợ con được no cơm ấm áo không còn vất-vả như trước nữa.

6. — Nàng Da-lừa.

Thuở xưa, có một nhà vua kia giàu mạnh nhất trong hoàn-cầu. Ngài lại có biệt tài điều-binh khiển-tướng, bá chiến bá thắng, nên các nước lân-cận đều nể phục.

Dân trong xứ thì an-cư lạc-nghệp, hết mực phồn-thạnh.

Bà hoàng-hậu là một người tài-sắc không hai mà tính-tình rất nên hiền-hậu. Bà ở với ngài có sinh một công-chúa giống hệt bà về tài-mạo cũng như về tính-nết nên được bà và vua cha tưng-tiêu như vàng như ngọc.

Trong triều thì lúc nào cũng đầy-dẫy quần-thần ăn mặc sang-trọng, lộng-lẫy. Vua có nuôi một bầy ngựa trong tàu, yên lạc đều chạm bạc khảm vàng chói lọi. Nhưng có một điều làm ai cũng ngạc-nhiên là ở chỗ tốt và sạch hơn hết trong tàu lại có buộc một con lừa tai dài đà-đuột.

Mà phải ! nó chiếm chỗ tốt và sạch hơn hết cũng đáng là vì nó có phép lạ : nó xổ ra toàn là đồng vàng.

*
* *

Vua là người được ơn trời ban cho đủ mọi phương-diện ; nhưng rủi thay, giữa lúc ngài an hưởng hạnh-phúc vô biên ấy, lại khiến bà hoàng-hậu phải lâm bệnh ngặt-ngheo, bao nhiêu danh-y điều-trị cũng không chút nào thuyên-giảm.

Một hôm, bà hay trong mình khó sống lâu được nữa, mới cho mời nhà vua ngự đến để tỏ vài lời trước khi vĩnh-biệt.

— Muôn tâu bệ-hạ, thiếp có một điều cầu-khẩn nơi bệ-hạ là một khi thiếp đã nhắm mắt đi rồi, xin bệ-hạ nghĩ đến thiếp và đến con mà đừng chọn hoàng-hậu nào khác nữa.

— À ! Tưởng điều gì, chớ việc đó, ái-khanh chớ nên bận lòng. Ai-khanh hãy yên tâm.

— Muôn tâu bệ-hạ, thiếp được bệ-hạ yêu-quí rất nhiều, nhưng muốn được an-trí nơi suối-vàng, thiếp cầu xin bệ-hạ nguyện một lời là nếu có chọn hoàng-hậu thì lựa người đẹp hơn thiếp mới nên.

Hoàng-hậu đình-ninh rằng trong nước chỉ có bà là đẹp hơn hết, không còn ai đẹp bằng, nên yên lòng nhắm mắt khi được lời hứa của vua.

Vua khóc-lóc than tiếc khôn cùng.

Nhưng lần lần mỗi sầu cũng vơi đi và vua định chọn hoàng-hậu mới. Đành rằng, kiếm người đẹp hơn cố hoàng-hậu thật là chuyện mò kim đáy biển, nhưng vua vẫn xuống chiếu dạy kén hoàng-hậu.

Từ thành-thị đến thôn-quê, cả tới các nước láng giềng, đâu đâu triều-thần cũng dò-la tìm kiếm mà chúng chẳng thấy một ai.

Chỉ có một người ; mà người ấy lại là công-chúa. Theo lời nguyện thì nhà vua phải cưới công-chúa ; nhưng lại đó là một việc loạn-luân. Muốn được an-tâm về phương-diện ấy, ngài mới triệu một thầy tu vào đèn đẽ bàn-bạc kế-hoạch, tìm một lý-luận đặng bào-chữa cái tình-yêu ác-nghiệt ấy.

Công-chúa hay tin vua cha định phong mình làm hoàng-hậu thì kinh tâm, bối-rối, không biết phải làm thế nào để tránh một việc đồi phong như thế. Nàng mới lén đến thạch-động, tìm vú nuôi của nàng là một bà Tiên ở ẩn nơi đấy. Khi nghe nàng kể rõ đầu đuôi tự-sự, bà Tiên khuyên nàng nên hứa-hẹn dây-dura ngày tháng để bà kiếm cách cứu cho. Vậy ngay khi trở về, nàng phải nài xin vua cha cho được một cái áo màu da trời.

Vâng lời bà Tiên, khi về đến cung, công-chúa tâu vua cha rằng : « Con chẳng dám trái lời cha, nhưng xin để cho con suy-nghĩ lại. Hiện giờ con cần phải sửa-soạn y-phục theo bức Hoàng-hậu, vậy xin cha cho con một cái áo màu da trời. »

Nhà vua lật-đật triệu tất cả thợ may trong thành, hạn cho ba ngày phải nạp cái áo da trời, nếu trễ kỳ phải bị xử tử.

Qua ngày thứ nhì, bọn thợ may đã đem nạp áo. Công-chúa được của báu thì lòng mừng khắp-khởi nhưng mỗi lo-âu lại thúc-giục đến. Nàng mới cầu xin vua cha ban cho một cái áo thứ nhì màu ánh thái-dương. Nàng cũng được như nguyện ; rồi lại xin ban cái áo màu ánh thái-âm. Vua cũng làm cho nàng toại ý.

Sau rốt, bà Tiên bảo nàng nài xin cho được cái áo làm bằng da con lừa nuôi trong tàu. Vua cha cũng chẳng tiếc, dạy thợ lột da lừa cắt may áo cho nàng.

Khi được bốn cái áo rồi, bà Tiên ban cho nàng chiếc đĩa phép, hễ gõ dưới đất thì các vật ấy cùng đồ trang-sức hiện ra trước mắt.

Ngày làm lễ cưới sắp đến. Đêm trước ngày cưới, công-chúa mặc áo da lừa lén bỏ cung-diện chạy đi trốn. Sáng ngày, vua hay tin công-chúa đã trốn bèn dạy bãi-bỏ yến-tiệc và ra lệnh cho người đi tìm khắp nơi.

Khi ra khỏi đền, công-chúa cứ nhắm ngay trước mặt mà chạy miết. Đói xin ăn, khát xin uống, nàng lặn-lội xư này sang xư khác, khổ-sở đến nỗi xin vào ở mượn cho người mà cũng chẳng ai chịu, vì nàng đã hóa ra gầy ốm, tiều-tụy, và dơ-bẩn.

Qua một nước láng giềng, nàng vào một điền-xá kia xin ở. Bà chủ-gia bắt nàng giặt giẻ, rửa chén bát, cho heo ăn, làm công-việc nặng-nhọc và bần-thiểu mà nàng cũng cam tâm. Tối lại cho ngủ trong một phòng hẹp-hòi ở dưới bếp. Mỗi ngày làm-lụng mệt-nhọc lại còn bị tôi trai xỉ-vả và chế-nhạo. Chúng gọi là nàng Da-lừa.

Mỗi tuần chỉ có ngày chúa nhật là nàng được rảnh-rang đôi chút. Hễ làm xong phận-sự thì nàng vào phòng tắm rửa sạch-sẽ, lấy đĩa phép ra gõ dưới đất. Tức thì mấy cái áo quý-báu và đồ nữ-trang hiện ra ; nàng cổi áo da lừa bỏ ra để thay, khi thì áo màu da trời, khi thì áo ánh thái-dương. Rồi đi tới đi lui trong phòng nhắm-nhía xem hình-dung mình.

Lần lừa như vậy mà ngày lun tháng qua. Một hôm, một vị hoàng-tử, nhân đi săn-bắn, đến trọ nơi điền-xá. Quan hầu theo hộ

vệ đông-đảo. Khi đi ngang qua phòng của nàng Da-lừa, hoàng-tử thấy nàng ăn mặc đẹp-đẽ quá thì đem lòng yêu-chuộng.

Về đến đền thì ngài buồn-bực và phát đau. Bà hoàng-hậu hỏi căn bệnh thì ngài làm thinh, chỉ yêu-cầu mẹ dạy nàng Da-lừa làm cho một ổ bánh ngọt mà thôi.

Hoàng-hậu cũng chiều ý con, truyền cho nàng làm bánh dâng cho hoàng-tử. Nàng Da-lừa được lệnh bèn lật-đật về phòng tắm-gội sạch-sẽ, thay áo và trang-sức đàng-hoàng mới bắt đầu nhồi bột. Trong khi ấy, nàng làm rút trong ổ bột chiếc nhẫn ngọc kim-cương của nàng đeo ở ngón tay.

Hoàng-tử được bánh ăn coi ngon lành, và gặp thấy chiếc nhẫn quý-báu trong ổ bánh. Ngài cất lấy ngay. Nhưng bệnh càng ngày càng thêm trầm-trọng. Vua và hoàng-hậu khiến danh-y điều-trị, thì ra ai cũng nhận là ngài bệnh vì tình.

Hoàng-hậu bèn định cưới vợ cho con, hoàng-tử lại tâu rằng : « Con bằng lòng cưới vợ, mà làm sao cưới được người nào đeo vừa chiếc nhẫn này mới ưng. » Nói xong ngài liền trao nhẫn cho mẹ.

Tiếng đồn hoàng-tử kén vợ bay khắp trong nước. Gần, xa, sang, hèn, bao nhiêu cô gái, từ hàng công-chúa, công-nương, cho đến hạng con nhà tầm-thường dân-dã, ai ai cũng xông-xao rộn-rục tới triều thử nhẫn. Mà chẳng có một ai đeo vào được. Hoàng-hậu đã có vẻ ngã lòng, thì quần-thần lại tâu rằng còn có một người nữa chưa thử, là nàng Da-lừa. Bà dạy đòi nàng đến. Cả triều đều cười rộ lên, và lấy làm lạ sao hoàng-hậu lại cho con tở dơ-bẩn ấy vào đền.

Nàng Da-lừa được chỉ đòi thì hết sức vui-mừng, và lật-đật vào triều ngay. Đến khi thử nhẫn, lẽ cố nhiên là nàng đeo vào được, và đeo rất vừa-vặn, làm cho hoàng-hậu và cả triều ai nấy đều ngạc-nhiên. Người ta định dẫn nàng đến trình-diện hoàng-tử, thì nàng xin phép về thay y-phục. Các quan cười thầm, nghĩ rằng dầu có thay thì cũng chỉ là cái áo da lừa chớ chẳng có gì khác hơn.

Nhưng khi nàng trở lại đền vua, mặc chiếc áo màu ánh thái-dương rực-rỡ, quần-thần sờ-sững tê-mê và lấy làm kinh-phục cái vẻ đẹp thần-tiên của nàng.

Hoàng-tử được vợ lành bệnh ngay, và vua cha liền định ngày làm lễ cưới.

Theo Perrault (Bê-rôn).

7. — Ba điều ước kỳ-khôi.

Một chú tiểu-phu kia làm-lụng nhọc-nhần mà quanh năm nghèo vẫn hườn nghèo. Có lần chú muốn quyên-sinh, nhưng vợ chú can-gián, nói rằng số phận mình như vậy thì đành cam chịu chớ làm sao.

Một ngày nọ chú vác riều vô rừng đốn củi. Dọc đường rửa to rửa nhỏ, trách trời sao từ ngày sanh ra đến giờ không có ước mong điều gì mà được toại nguyện.

Bỗng đứng trên không trung hiện ra một ông già có tiên phong đạo cốt, hào-quang trên đầu chiếu sáng như vùng thái-dương. Chú tiểu tưởng phen này chắc chết, mới quì mọp xuống đất.

Ông già ấy nói rằng : « Chính ta đây là Thượng-đế, thấy nhà ngươi than trách số phận, nên đến an-ủi ngươi và ban cho ngươi ba điều ước. Hễ ước gì thì được nấy. Vậy nhà ngươi hãy suy xét cho kỹ rồi sẽ ước, vì hạnh-phúc của đời ngươi tùy sự ước ấy. » Nói rồi ông già biến mất.

Chú tiểu-phu lật đật về nhà khoe với vợ : « Nầy mụ, thôi chắc bạn này mình sẽ trở nên giàu rồi. Mình ước là được. » Rồi chú thuật lại đầu đuôi việc gặp Thượng-đế ở giữa đường và sự ban phép ước cho vợ nghe. Mụ tiểu tính tới tính lui, so hơn so thiệt, và khuyên chồng nên cẩn-thận, ước gì phải cho đáng.

Chú tiểu nói : « Thôi, mụ đi mua cho tôi một ly rượu đi, mình uống chầm chút để cho trí hóa sáng sủa coi thế nào ».

Mụ tiểu nghe lời và chẳng bao lâu đem về cho chồng một ly rượu, mùi bay nức mũi. Chú tiểu đánh hơi rượu bắt thèm, nhắm một miếng coi bộ khoái-lạc lắm. Luôn miệng chú nói : « Chà ! phải có một khúc dồi ăn mà nhậu thì có gì bằng. »

Nói vừa dứt lời, từ trên nóc nhà thông xuống một khúc dồi béo lầy, thơm phức. Mụ tiều thấy vậy tức giận nói: « Lão này thật là kỳ quái. Ai đời, có phép ước lại nhè ước dồi để nhậu rượu, người ta ước vàng ước bạc chớ ước cái gì khờ-khật quá. »

Lời qua tiếng lại, chú tiều có hơi rượu hùng chí can-đảm hơn mọi khi, nổi giận bảo rằng: « Thôi mụ để tôi suy nghĩ, ước một điều khác cho đáng chớ chọc giận tôi, tôi ước cho khúc dồi dính trên trán mụ cho mà coi ».

Tưởng là lời hăm dọa, ai ngờ khúc dồi nhảy lên dính ngay trên trán mụ tiều. Ôi thôi! mụ nổi tam bành xỉ-vả lão tiều mà rằng: « Mặt mày tôi mà kỳ-khôi như vậy, bây giờ lão có ước vàng ước bạc cho đầy nhà đi nữa tôi cũng không ham. Lão phải làm sao cho mặt tôi nguyên lành như trước tôi mới nghe cho lão. »

Chú tiều thấy bộ điệu vợ như vậy bắt cười xòa. Suy nghĩ lại, thiệt dầu cho làm đến hoàng-hậu mà mặt mày kỳ-quái như vậy cũng không mừng. Chú mới ước cho khúc dồi rớt xuống.

Thành ra vợ chồng chú tiều nghèo cũng hườn nghèo.

Dịch theo Bê-rôn.

8. — Cô bé Ngọc-Hạnh.

Xưa có một bà lão tánh-tình ác-nghiệt; bà ở với chồng sanh được một gái tên là Kim-Đào. Bà cưng con như trứng mỏng. Chồng bà qua đời, bà tái-giá. Người chồng sau có con riêng tên là Ngọc-Hạnh, lớn tuổi hơn Kim-Đào.

Bà lão ghét Ngọc-Hạnh lắm, bắt làm tất cả mọi việc trong nhà như quét tước, xách nước, rửa chén, chăn nom gà vịt heo cũi; còn Kim-Đào thì không làm gì động móng tay. Đã vậy lại còn bắt chước mẹ hà-hiếp Ngọc-Hạnh.

Ngọc-Hạnh đã đẹp mà lại khéo-léo; Kim-Đào xấu, vụng-về, ăn nói thô-lỗ. Thấy con ruột bà thua sút chừng nào, bà lão lại ghét cay

ghét đấng Ngọc-Hạnh chừng nấy. Nhưng mặc dầu mẹ ghẻ không ưa, Ngọc-Hạnh vẫn một mực kính-trọng và ngọt-ngào, êm-ái.

Một hôm, Ngọc-Hạnh ngồi kéo tơ dựa mé giếng, dưới bóng cây quít. Bỗng đâu trên cành một con họa-mi trỗi giọng líu-lo, làm cho cô ngược mặt lên tìm xem con chim nhạc-sĩ. Rủi cô làm rớt cuồng tơ xuống giếng. Bà lão núp trong nhà thấy vậy bươn-bả chạy ra, hai tay đánh túi bụi Ngọc-Hạnh và bảo phải tìm lại cho được cuồng tơ.

Ngọc-Hạnh lui-cui dòm xuống nước để trông, thì đương cơn giận bà xô con bé xuống giếng, rồi trở vào nhà bình-tĩnh như chẳng có việc gì xảy ra.

Ngọc-Hạnh bị té xuống giếng rồi, cuồng tơ đâu chẳng thấy mà lại thấy mình đứng giữa hoa-viên đẹp-đẽ; cây trái đầy đầy, bông hoa phát mùi thơm ngào-ngạt. Trên cành chim chóc thi nhau kêu hót, làm cho cô bé mê-mẩn. Vùng nhớ lại, cha mẹ và cảnh nhà, cô liền khóc lên, đi lẩn-thần trong vườn để tìm lối ra.

Đến dưới gốc lê, bỗng nghe trong thân cây phát ra nói: « Chào cô bé! Sao con khóc đó? Có chuyện gì buồn tủi hay không? »

Ngọc-Hạnh hết hồn, đứng ngo-ngác một hồi rồi lại nghe: « À! con hãy căng vạt áo ra, ông cho vài quả đỡ lòng. »

Vâng lời, cô bé căng áo ra, thì từ trên cây tự-nhiên rớt xuống mấy trái lê thơm phức. Cô lại đi nữa; đến dưới gốc đào cũng nghe nói: « Chào cô bé! Sao con lại khóc đó? Con có buồn tủi điều gì hay không? »

Chuyến này bớt sợ, Ngọc-Hạnh trả lời: « Thừa thần đào, con bị mẹ xô xuống giếng, nên con khóc. »

— Vậy con căng vạt áo ra, ông cho vài quả đỡ lòng.

Ngọc-Hạnh vâng lời căng áo ra; từ trên cành rớt xuống mấy quả đào chín đỏ.

Rồi cô bé cũng đi nữa. Đến một tòa lầu-đài nguy-nga, nóc lợp vàng chói lọi. Không thấy một ai ra vào, nó đứng trước đèn mà khóc. Bỗng cánh cửa lầu mở bét, từ trong đi ra một bà xinh đẹp như

tiên gọi Ngọc-Hạnh rằng: « Con làm gì mà khóc đó! Có buồn tủi điều chi không? »

— Thưa bà, con bị mẹ xô xuống giếng vì làm mất cuồng tơ.

— Thôi con vào đây! Con đã ăn cơm chưa? Con muốn ăn với bà hay với đoàn tôi ở nhà bếp?

— Thưa bà, con ăn ở dưới bếp được. Con không dám làm rộn bà.

— Được! vậy con sẽ ăn với bà.

Ngọc-Hạnh ngồi ăn với bà tiên, thấy nhiều món ngon lành, tự thuở giờ chưa nếm đến. Con bé vùng nói: « Thưa bà con nhớ cha mẹ quá; con muốn về. »

— Để con ăn xong rồi bà cho về. Mà con muốn đi xe bạc khảm vàng hay đi xe bằng gỗ sơn đen?

— Thưa bà con đi xe gỗ cũng tiện, miễn là con được về với cha mẹ thì con đội ơn bà.

— Thôi bà cho con đi xe bạc khảm vàng và bà cho con luôn cái xe ấy để sau con làm của hồi môn.

Ăn xong, Ngọc-Hạnh được xe bạc khảm vàng đưa về tận nhà. Trong xóm người ta thấy Ngọc-Hạnh có chiếc xe lộng-lẫy và ăn mặc sang trọng đều trầm-trồ. Con bé lại trở nên đẹp-đẽ hơn trước vì ăn được mấy quả lê tiên và đào tiên.

Kim-Đào sanh ra ganh-tị, bèn hỏi nguyên-do làm sao. Ngọc-Hạnh mới thuật lại từ đầu chí đuôi những điều nghe thấy ở dưới giếng. Bà lão nói với con rằng: « Con khốn đó nó còn được như vậy, tại sao con lại không được! Con hãy xuống giếng thử coi! »

Bữa sau, bà lão cũng bảo con ra miệng giếng, bà cũng liệng cuồng tơ xuống nước rồi bảo: « Kim-Đào, con nhảy xuống kiếm cuồng tơ đi. »

Kim-Đào nhảy xuống, thấy mình ở giữa hoa-viên đẹp-đẽ. Cô bé mới đi lại gốc thần lê bảo rằng: « Thần lê, hãy cho ta ít quả đi! » Thần lê thay vì để lê rớt xuống, phát lên một tiếng ù-ù làm cô bé

sợ hoảng. Nó mới đi lại gốc đào : « Thần đào, hãy cho tôi ít quả đi ! » Thần đào cũng làm lơ.

Cô bé Kim-Đào trở nên quạu-quọ vì không ăn được quả tiên.

Nó đi đến tòa lầu đài nguy-nga, và đứng trước mà nói rằng : « Trong nhà còn ngủ sao, không thấy ai hết ? » Rồi từ trong đèn, một bà lão ra nói rằng : « Con muốn gì ? hãy nói đi. »

— Tôi muốn ăn cơm.

— À ! vậy con muốn ăn với bà hay với đoàn tôi ở nhà bếp ?

— Không ! tôi không ăn với đoàn tôi đâu. Tôi ăn với bà và bà nhớ cho tôi đồ thật ngon nhé !

Ăn xong, Kim-Đào đòi về. Bà tiên bảo : « Con về, mà muốn đi xe bạc khảm vàng hay đi xe bằng gỗ sơn đen ? »

— Tôi đi xe bạc khảm vàng. Đi xe gỗ, trong xóm người ta chê cười lắm.

— Bà lấy làm tiếc, bà chỉ còn có cái xe gỗ sơn đen. Từ này về sau, con nên khiêm-nhượng hơn, để cho được người yêu chuộng. Thôi đi về đi. »

Nói rồi bà tiên biến mất. Tòa lầu đài vắng tanh. Cô bé Kim-Đào chỉ có nước ngồi trong xe gỗ sơn đen để cho con ngựa què lê-lết về nhà.

9. — Lão Bần với Tử-thần.

Thuở xưa kia, trong một làng nọ, có một lão thợ rèn nghèo hết thế, người ta gọi là lão Bần. Ngày hai bữa, cũng không có đủ mà ăn. Lão sống một mình, không vợ không con, bốn mùa tám tiết chỉ quây-quần trong cái lò rèn của lão.

Nhà trống trước trống sau, không bàn không ghế. Muốn nằm thì nằm dưới đất, tối chui vào nóp ; muốn ngồi thì lấy hai gối giùm lại làm bàn.

Khi có công việc chút đỉnh thì còn có cháo có rau, bằng không thì thắt lưng lại thêm cho sát, nhưng lão vẫn vui cười và tánh lại hay giúp người.

Lão có hai vật mà lão yêu quý như vàng : một là cây lý, hai là cái đĩa bạc, vật kỷ-niệm của lão hồi mới lập gia-thất. Cũng nhờ cây lý mà lão đỡ dạ nhiều khi kiếm không ra việc, và tất cả bộ-hành nào qua lại cũng được lão biếu vài quả giải khát.

Một hôm lão ngồi trước nhà suy nghĩ việc đời. Đã hơn một tuần lễ rồi mà không ai mướn rèn một vật gì hết. Trong lò không còn một mảnh thép. Lão than thầm rằng : « Thật là khổ ! Thế này khi phải chết đói rồi ! Vậy cũng đành thắt họng trên cây lý kia cho khỏe thân. Mụ Bần ở nơi chín tuổi đời ta cũng đã lâu rồi ! »

— Chào lão Bần ! Mạnh giỏi chớ !

Một giọng ồ-ề từ sau lưng lão đưa đến. Lão ngó ngoáy lại thì thấy một bộ xương người rõ-ràng ; hai mắt thụt đầu mắt, chỉ còn có hai lỗ sâu hóm đen thui, tay cầm một cây phăng cán dài thậm thuột. Một bộ y-phục trắng rộng thênh-thang bao ngoài bộ cốt ghê tợn ấy.

— Lão Bần mạnh-giỏi chớ ! Ta vừa nghe lão đòi chết, ta đến đây ! Lão biết ta chớ ?

— Biết rồi ! Biết rồi ! Mặc dầu chưa thấy người tận mắt như lần này. Được ! Nếu phải theo ngươi, ta sẵn-sàng.

— Không đâu ! Chuyến này không phải vì lão mà ta đến đâu. Ta đi chuyến này để dẫn hồn lão thầy tu đàng đầu xóm kia. Chắc lão không sẵn-sàng theo ta như ngươi, vì lão sẽ còn tiếc của bá-tánh lắm. Mà thôi, từ giã ngươi nhé ! Kỳ sau ta sẽ đến, và luôn tiện ta cho ngươi hay trước rằng sẽ chẳng còn bao lâu nữa đâu.

— Được lắm ! ta luôn luôn sẵn-sàng ; nhưng ta cố xin ngươi một điều là để hướn lại cho cây lý ta trở bông được một kỳ nữa.

— À đành rồi !

Tử-thần xách phăng ra đi, xúng-xính trong bộ y-phục rộng như cánh bướm ; vạt áo bị gió tà như cánh con dơi bạch.

Lão Bần chẳng cảm-xúc gì hết, cầu trong đấy một nhúm thuốc, nhận vào ống điếu, phì-phà chăm-rải để trông mấy vòng khói tỏa.

Lần này lão cảm thấy mùi thuốc thơm lạ kỳ. Lão nói thầm : « Ủ ! Tử-thần sẽ trở lại ! Làm gì mà phải lật-đật. Không biết chừng mai đây sẽ có công việc làm. Ở đời miễn có một chút vui, là bao nhiêu điều cực-khổ đã bị xóa nhòa hết. »

Lầm - thẳm một mình thì bỗng đâu từ phía đầu đường kia khắp-khênh đi lại một lão già, rách-rưới lang-thang ; tay dắt con ngựa què hết một chân sau. Lão Bàn thấy vậy chạy lại giúp tay. Đến nơi, lão mới nhận ra một người cũng gầy ốm như mình, chắc có lẽ đã nhịn ăn lâu rồi.

— Cảm ơn lão có lòng giúp ta. Lão đóng móng giùm con ngựa ta, vì ta còn đi xa.

— Chà ! Rủi quá ! Tôi không phải làm hiểm, nhưng nhè lúc trong lò không còn một chút thép, làm sao giúp ngài đây ?

Lão Bàn đứng ngơ-ngác một hồi, rồi dòm lên vách thấy đĩa bạc treo đó, liền nói :

« Thôi được ! Tôi gần muốn quên ! »

Lão lại vách, vói tay lấy cái đĩa xuống, nhắm-nhía một chập rồi thở ra một hơi dài. Trong trí lão tưởng lại cái thời thanh-xuân, cái ngày mới lập-thành gia-thất. Lão đút cái đĩa vào lò, đốt than cháy đỏ. Một lát, tiếng búa đập trên đe nghe boong boong, làm chấn-động cả xóm. Ai nấy đều bảo : « Lão Bàn bữa nay có công việc làm rồi đã ! »

Cái đĩa bạc đã thành móng ngựa đẹp-đẽ. Lão bộ-hành hết sức khen ngợi.

— Lão tính bao nhiêu tiền ?

— Tôi thấy ngài nghèo như tôi nên không nỡ ăn tiền. Tôi làm giùm thôi. Để bạn ngài về, có tiền bạc rồi, chừng ấy sẽ tính, không muộn đâu.

— Cảm ơn lão lắm. Nhưng thôi, lão có lòng giúp ta, ta cũng không hẹp lượng với lão. Vậy lão có ước điều gì thì ước đi, ta làm cho lão mãn-nguyện ngay. Ta là Thiện-thần đây.

— Đa tạ ngài.

— Thì ước đi. Trời đã sập tối rồi đó.

Lão thợ rèn suy nghĩ một hồi rồi nói :

— Xin ngài cho ước đều này : Hễ ai mà leo lên cây lý tôi rồi, nếu không được tôi cho phép xuống thì phải mắc ở trên luôn.

— Sao lão ước cái gì kỳ-khôi vậy ? Thôi được, cho lão phép ấy. Ta đi nhé !

Nói xong, lão Thiện-thần thót lên ngựa đi mất.

Ba tháng qua, Tử-thần trở lại. Lóng này lão Bản có chút ít việc làm. Dầu không đủ cơm ngày hai bữa chớ cũng không đến nỗi đói.

— Lão thợ rèn mạnh giỏi hé ! Phèn này vì người mà ta đến đây ! Sẵn-sàng chưa, để ta dẫn hồn người đi cho đúng giờ.

— Ta đã bảo với người, lúc nào ta cũng sẵn-sàng. Nhưng còn chút ít công việc, người đợi cho ta sắp-đặt xong là ta theo, được không ?

— Được ! Lão còn chạy đâu mà ta không rộng lượng.

Trong lúc chuyện trò, Tử-thần thấy cây lý sai quần những trái. Trái nào cũng no tròn bóng lưỡng, coi bộ ngon lắm. Lão Bản mới nói :

— Tôi tiếc quá ! Mai đây rồi, mặc sức cho lũ con trẻ và chim-chóc phá khuấy cây lý của tôi. Thật cũng uổng ! Mời người nếm thử vài quả. Nó ngon làm sao, đã ngọt mà lại nhiều nước.

— Cám ơn lão. Để ta hái thử vài trái ăn coi thế nào.

Nói xong, Tử-thần vén tay áo rộng để lộ mấy ống xương tay trắng toát, leo lên cháng hai cây lý vừa ăn vừa nói :

— Ta ưa lý lắm, nhứt là thứ lý ngọt và nhiều nước như vậy.

— Ồ ăn đi ! Ăn đi ! Biết là bao nhiêu, nó sai quần trên cây đó.

Tử-thần chuyển nhành này qua nhành khác. Tà áo phất phơ, với bàn tay xương quơ-quào mấy chùm lý chín. Hai hàm răng chom-chởm, trệu tới, trệu lui coi rất nên ghê tợn. Ăn xong, Tử-thần muốn xuống, bèn đứng dậy, định nhảy đại cho mau. Chẳng dè đứng lên không đặng, nó làm như dính vào cây, chuyển đâu cũng không được.

Tử-thần hăm hét, than khóc, rồi dọa-nạt nhưng vô hiệu-quả. Lão thợ rèn, ở dưới gốc cây, miệng ngậm ống điếu, phì-phà vài hơi rồi nói :

« Mời ngài xuống, xuống đây, xuống để cùng lão đi vài đường quyền cho ra mồ hôi, rồi tôi sẽ theo ngài. Nhảy đi ! Có cao đâu mà sợ. Hè nhảy ! Ngài sợ sao ? »

Lão Bần hùng chí, la lối om-sòm, cả xóm đều tề-tụ lại đông đủ. Tử-thần bị dính trên cây giận uất người. Từ đây hết xách phăng đi gặt đời người, hết dẫn hồn thiên-hạ. Không còn ai chết nữa. Người ta sẽ lột da sống đời. Thiệt là thiên-đường trên dương-thế.

Nhưng các bậc vua chúa đều nói : « Sao, không còn giặc-giã nữa ? Máu không còn chảy thành sông nữa a ? Vậy thì ta còn tiếng-tăm gì để lại trong lịch-sử nữa được ? »

Các người chức thừa-hưởng gia-tài đều than : « Ông bà, cha mẹ ta lột da sống đời thì cứ giữ bo-bo tiền của hoài. Vậy thì tức lắm ! »

Mấy nhà luật-pháp thốt rằng : « Còn ai đâu mà tranh giành gia-tài ! Còn ai mà thừa kiện nữa ! Tiền đâu mình lấy mà sống đây ! »

Các nhà tu-hành lại than : « Ừa ! Nếu không còn ai chết nữa, thì có ai sợ sa địa-ngục đâu ! Còn ai mà thêm cúng kiến gì để cầu siêu-thăng ! »

Mấy kẻ ấy mới họp nhau lại lò rèn lão Bần và đồng-thanh hô lên :
— Lão Bần ! Hãy thả Tử-thần xuống, bằng không lão sẽ coi chúng ta !

— Xin các ngài đừng lộn-xộn. Tôi bần hàn chỉ có ống điếu này để phì-phà dặng quên đói. Mời các ngài im !

— Lão vung lời chúng ta không ?

— Vung lời ! Được. Mà các ngài nên nhớ bảo Tử-thần phải thề từ này về sau không được đá-động đến lão Bần này.

Ai nấy nghe nói đều ưng thuận. Tử-thần được lão Bần cho phép xuống, mới thề để cho lão Bần trường-thọ. Đoạn Tử-thần

chạy ù lại đám người đứng gần đấy. Người thì hô to : « Giết đi ! Giết đi ! » Kẻ lại la lớn : « Đập đi ! Đánh đi ! Bắn đi ! »

Từ đó, trong thiên-hạ Tử - thần mới tung-hoành, chế đủ cách chết, chỉ có sự bần-hàn là trường-sanh bất-diệt.

10. — Tiếng nói của động-vật.

Xưa có một anh kia, cũng vì ham mê bài bạc mà phải ra thân ở mướn với người để chăn nuôi súc-vật. Người ta chỉ gọi anh là anh Chăn.

Một hôm anh dẫn bò ra đồng cho ăn ; đến một cái lâm kia anh thả bò tha-hồ cho nó kiếm cỏ non ; còn anh thì ngồi nghỉ dưới bóng cây gáo.

Bỗng đâu, anh nghe từ trong bụi đưa ra một câu than-van nảo-nuột : « Người nào đó, xin hãy cứu tôi với. Tôi sẽ đền ơn xứng đáng cho ! » Anh ngó quanh quất để tìm coi tiếng nói chính từ đâu mà đến, vùng thấy trong một đám cỏ đang cháy, một con rắn to tướng quần-quại giữa ngọn lửa. Anh lật-đật lấy một cành cây, tuốt hết lá, vít cỏ ra xa, rồi thọc vào đám lửa cho rắn quấn vào cành ; đoạn anh mới rút cây ra.

Rắn được cứu, vội vàng nói : « Tôi cảm ơn người có lòng nhân cứu tôi khỏi bị chết thiêu ».

Anh Chăn nói : « Ta đã làm một việc nghịch lý. Bao giờ ai lại cứu rắn. Úm rắn trong lòng là chác lấy phiền muộn về sau. Nhưng thôi, đã cứu người rồi thì không ân-hận gì ! Người cứ bò đi. »

— Tôi không phải là loài vô ân đâu. Tôi xin nói thiệt cùng người. Tôi đây là con của chúa loài vật. Vì nhàn rỗi, hóa hình dong chơi mà rủi bị hỏa-tai. Nếu người theo tôi đến động cha tôi thì sẽ được trọng thưởng.

Rắn bò trước, anh Chăn theo sau. Rắn bảo rằng : « Người có đến trước mặt cha tôi, đừng có lãnh vàng bạc chi hết ; người

cứ nài nỉ xin cho được phép hiểu biết tiếng động-vật. Cái phép ấy còn quí bằng mười vàng bạc. »

Đến động chúa loài vật, anh Chăn thấy một người ngồi trên thạch-bàn ; một vùng khói thừa tỏa lên phía trước như cái màn. Rắn thuật lại việc bị hỏa-tai và được người cứu mạng. Anh Chăn nghe từ trong màn khói đưa ra một tiếng như giọng chim : « Ta cảm ơn nhà người cứu con ta ; vậy người muốn bao nhiêu vàng bạc, ta sẽ thưởng cho. »

— Tôi chẳng thích vàng bạc, chỉ muốn được phép hiểu biết tiếng động-vật mà thôi.

— Việc đó nguy-hiểm lắm ; vì hễ người thố-lộ cái huyền-bí ấy cho ai thì tức-tức người phải chết ngay.

— Tôi xin cam-đoan giữ bí-mật luôn.

— Vậy thì được. Ta cho người hột ngọc này, người đặt vào tai thì nghe biết tất cả tiếng của loài vật.

Anh Chăn được ngọc, lật-đật ra về. Đến chỗ bò ăn thấy còn đủ số, mới ngồi dựa lưng vào gốc cây để thử phép báu.

Đột nhiên, từ xa hai con quạ bay lại đậu trên nhành. Con thứ nhút nói : « Nếu anh chăn bò biết rằng ở dưới chỗ con bò hóng đang ăn, có một hũ vàng thì anh đâu còn ở mướn nữa. »

— Thôi đi ! Đừng nói. Anh giàu hay nghèo chẳng ăn thua gì với chúng ta.

Anh Chăn nghe rồi liền nói : « Ừ ! còn giấu làm gì ; ta đã nghe hết. »

Anh bươn lại chỗ con bò hóng, đào lên thấy một hũ vàng đầy nhóc. Được của, anh thôi ở mướn, về làng lo cất nhà cửa và cưới vợ lập gia-thất.

Bây giờ anh Chăn lại mua nhiều súc-vật về nuôi và mướn người giữ phụ với bấy chó của anh. Muốn kỷ-niệm thời dĩ-vãng, năm nào anh cũng đi với vợ ra đồng trông nom súc-vật một ngày. Nhân dịp ấy, anh bày tiệc cho tất cả gia-đình ăn uống với nhau.

Một hôm, đến ngày kỷ-niệm, anh và vợ cũng ra đồng theo lệ. Trong lúc tiệc tùng vui-vẻ, bấy chó vùng sủa om sòm và chạy lăng-

xăng. Con chó già hơn hết nói : « Cọp đến kia ! Hãy xông ra cự với nó. »

Mấy con kia đáp : « Nhè cự với cọp chó ! Chạy đi cho rồi, để mặc kệ súc-vật ! »

— Ua chủ nuôi mình để đến lúc cần phải bảo-vệ dê, bò, mà bây giờ lại bỏ chạy đi là nghĩa gì ! Hãy dạn lên mấy chú !

— Ủ nuôi ! nuôi bằng xương bò, xương heo đó, chó bằng gì ! Bác hãy coi thân hình bác đấy ; gầy như ma mà trông gì cự với cọp. Thôi chúng ta chạy !

Anh Chăn nghe câu chuyện của bảy chó, bảo gia-đình lấy hèo lấy gậy, đập bụi, đập bờ, la ó lên để cho cọp sợ đi nơi khác. Nhưng cũng không khỏi hao một con dê. Bảy chó lăng-xăng cầm chừng. Tai nạn qua, anh nghĩ giận quá. Anh bảo gia-đình đem bảy chó vào xóm cho hết, chỉ trừ có con chó già anh dạy giữ lại và nuôi cho tử-tế.

Chiều đến, anh cỡi ngựa về ; vợ anh cỡi một con ngựa cái theo sau. Vợ anh mới hỏi tại sao anh bỏ bảy chó, không chịu nuôi nữa. Anh trả lời rằng bao giờ anh làm việc gì cũng suy nghĩ kỹ lưỡng lắm mới làm.

— Anh nghĩ làm sao ? Nói cho tôi biết với !

— Cái đó là chuyện bí-mật.

— Với tôi cũng bí-mật nữa sao ?

— Chỉ một mình tôi biết mà thôi.

Đi một hồi, ngựa của anh bỏ con ngựa cái xa lắc. Nó vùng nói với ngựa cái rằng : « Mi đi dở quá ! Mau lên một chút cho kịp bước. »

— Mi nói giỏi hoài ! Mi chớ có một mình ông chủ, còn ta đây phải chớ tới ba mạng !

— Ba mạng ! Nào đâu, chỉ coi ?

— Bà chủ nè, con bà mang trong bụng nè, rồi con ta cũng ở trong bụng ta đây, không phải là ba mạng hay sao ?

Anh Chăn ngồi trên ngựa nghe câu trả lời của con ngựa cái, vùng cười lớn lên. Chị vợ nghe cười tức tối quá, mới nói :

— Tại sao anh cười ? Cười cái gì ? cười tôi hả ?

— Tôi không cười ai hết.

— Phải có chuyện gì mới cười được, chớ điên sao mà cười thình không ! Anh phải nói cho tôi biết mới được.

— Tôi suy nghĩ chuyện đời, bắt cười. Không có gì quan-hệ hết.

— Sao được ! Anh phải nói tôi mới nghe cho !

— Thật ! có chuyện, nhưng không tiện nói ra. Hễ nói thì chết !

Bà vợ uất-ức quá, mà tánh đàn bà hay tọc mạch, cũng nài nỉ biết cho được chuyện, nên giục anh Chấn phải nói. Anh mới trả lời :

« Ừ ! nhà muốn nghe thì một lát đã ! »

Đến nhà, anh Chấn bảo lo sẵn sàng một cái hòm. Anh xem sóc mọi việc đâu đó xong rồi, mới vào trong hòm và kêu vợ lại mà rằng :

« Tôi thổ lộ cái bí-mật này tức thì phải chết. Nhà muốn biết, thôi tôi cũng nói cho mà nghe. Một buổi kia, tôi cứu... Khoan, hãy cho con chó già ăn đi đã, tôi thương nó lắm ; nó trung tín không ai bằng. »

Con chó thấy chủ sắp chết, không chịu ăn. Một con gà trống đi qua đấy thấy vậy lại mổ cơm. Chó nói :

— Mi không chút lương-tâm. Chủ sắp chết mà mi đành ăn cho no sao ?

— Cái gì ! Thây kệ ! Chủ nhà mình là thằng ngốc, lo làm gì ! Tôi đây nè, có cả trăm mái mà bao giờ để họ xây xử tôi đâu. Kiếm được một hột lúa, tôi làm bộ túc ! túc ! họ chạy lại, mặc sức tôi mổ đầu, mổ cánh, đá họ chạy tán loạn, rồi hột lúa cũng về tôi. Ông chủ nhà có một bà vợ mà khiến không xong. Tôi không tội nghiệp gì ráo !

Anh Chấn nghe nói có lý ; mới học làm ra mặt chủ. Anh lấy cây roi mây dài và nói : « Đây này, cái bí-mật đó ! »

Anh đánh một vọt, chị vợ sợ hoảng ; từ rày không dám tọc mạch nữa.

11. — Gia-đình chị Chồn.

Người ta thuật rằng, cách đây đã mấy trăm năm, có một con mèo kia, thân-hình nhỏ-thó mà ngộ-nghĩnh, nhưng có một tật lớn là hay ăn vụng.

Một hôm mèo ta chun vào cũi ăn lén một đùi gà quay và liếm hết nửa thiệp mỡ, nên chủ giận tống cổ ra khỏi nhà; không còn chỗ dung thân nên nó mới trốn vào rừng.

Ngày đầu hết, đi lang-thang một mình nơi vắng-vẻ, thỉnh-linh lại gặp một con chồn đang đi kiếm ăn. Chồn thấy mèo bảnh-bao, bèn gây câu chuyện : « Chú nhỏ kia ! Chú tên gì và đi đâu một mình giữa rừng thâm-u như vậy ? » Chú mèo, mới nhóng cẳng thật cao, ngó chồn một cách khinh-thị và trả lời với một giọng ồ-ề rằng : « Mi muốn biết ta là ai à ! Ta đây là quan tòa, là mèo chúa. Ta xử-đoán các vụ kiện-thừa giữa động-vật và ta đã xử tiêu biết mấy kẻ đến cầu ta phân giải. »

— Chà tên tốt quá !

— Không phải tốt mà thôi. Nghe đến còn rợn gáy nữa kìa ! Ta vô rừng này bây giờ đây, là để xử kiện, vì ta đã đói, đói dữ lắm rồi.

— Ồ ! vậy mời ngài lại nhà tôi dùng bữa. Không phải khoe chớ tôi nấu ăn cũng khá lắm. Nhà gần bên đây.

Mèo chúa ưng chịu và đến nơi, thì thấy đồ thực - phẩm dọn sẵn. Chúa mèo ăn một bụng no-nê. Ních rồi, chị chồn thở-thở :

« Dám thưa ngài, không biết ngài đã có vợ con gì chưa ?

— À ! chưa, chưa ! Ta chưa vợ con gì ráo.

— Dám thưa cùng ngài một lời : Tôi cũng chưa đôi bạn gì. Uả, mà quên ! chồng tôi đã mất lâu rồi. Vậy tưởng chúng ta làm đôi bạn nhau cũng thuận tiện lắm.

Chú mèo, bị chủ đuổi, không có dịp may nào bằng sẵn nhà, sẵn cơm, sẵn người để bầu bậu trong chốn tịch-mịch, giữa lúc điều-hiêu, nên ưng chịu liền. Rồi chị chồn lật đật bày tiệc linh-đình để mừng ngày tái giá.

Một hôm kia, chị chồn đi dạo trong rừng lại gặp chó sói. Anh sói hỏi rằng :

— Chào chị chồn. Lóng này chị còn khóc ảnh nữa thôi ?

— Thôi đi anh sói !

— Tôi biết một kẻ sẵn lòng rước chị về lo bề nội-trợ.

— Ồi ! anh không hay gì hết sao ?

— Hay cái gì ?

— Tôi đã gặp ông chồng mới rồi. Ông nói với tôi rằng ông là quan tòa.

— Cơ-khồ ! Vậy mà tôi nào có hay. Thôi cũng vái trời phù-hộ cho chị được đầm-ấm trong gia-đình.

— Cám ơn anh.

— À ! tôi muốn ra mắt ông, không biết tiện không chị ?

— Tôi thú thật, ông khó tính lắm, nên đi trong rừng anh cũng ráng coi chừng ; hễ gặp ông chắc mạng anh khó giữ.

— Vậy lặn ?

— Thật đa ! Nhưng có cái này ; nếu biết cầu-khẩn, đem nạp lễ lộc cho ông thì ông hay rộng lượng lắm. Thôi bữa nào anh đừng cho ông hoặc chiền, hoặc dê gì đó, mà nhớ đừng cho ông thấy nhé !

Chó sói sợ quá, lật đật ra đi định lụng bắt cho được một con dê đem làm lễ ra mắt.

Đi một đôi nữa, chị chồn gặp con gấu, đen mun, cụ-ịch và kịch-cộm. Vừa thấy chồn, gấu liền ra giọng trêu ghẹo : « Cảnh góa bụa chắc là vị thuốc bổ hay saoma đôn rày coi chị béo người và tươi thắm quá vậy.

— Im cậu đi ! Nói cho cậu biết, chồng tôi nghiêm-nghị và tỏ tai lắm đa.

— Úy ! Nói vậy chị đà ... coi người ta nói cái gì đó, có chồng lần thứ nhì ... kêu làm sao ?

— Tái giá.

— À phải ! Tái giá. Chị tái giá hồi nào lặn ? Vậy mà tôi tự thuở giờ ước mong ...

— Thôi cậu đi ! Hết hợp thời rồi.

Con chồn mới thuật lại việc gặp chúa mèo y như nó đã thuật với sói. Con gấu tin bằng lời và hứa sẽ đem đồ vật đến dâng.

Một ngày kia, sói và gấu mang lễ vật đến; sói thì dâng một con dê thiết mập, còn gấu thì một ổ ong ruồi to tướng. Hai thú ta đem đề trước miệng hang chồn. Gấu mới nói với sói rằng :

— Lễ vật của anh quý hơn của tôi. Tôi không biết ngài chúa mèo ưa món gì mà dâng.

— Thì kiếm được vật gì, dâng cái nấy. Bây giờ ai kêu cửa đây ?

— Tôi thì không được đâu. Thân hình kịch-cộm, không lẹ làng gì hết, làm sao lui bước cho kịp.

— Tôi cũng không dám ngay ! Sợ ông thấy mà nguy đến tính-mạng.

Gấu gãi đầu suy-nghĩ :

— Thôi thì hai ta leo lên cây núp, rồi ở trên kêu cửa một lượt.

— Anh leo được chớ tôi đâu biết leo.

— Vậy anh chun xuống đóng lá khô kia mà trốn và ráng nín thở nghe !

Gấu và sói làm y như lời, chúng đồng kêu cửa một lượt, rồi gấu thì leo lên cây còn sói thì chui vào đóng lá. Cả hai đều trông lại chỗ miệng hang.

Chị chồn nghe kêu ló ra, rồi đến chúa mèo. Thân hình nhỏ bé nhưng coi bộ mập béo giống bộ diện tươi thắm của kẻ ăn uống đầy đủ và ở không nhưng. Gấu thấy chúa mèo liền nói thầm :

« Ồi chúa mèo gì mà nhỏ con làm sao ! Thấy mà tội-nghiệp giùm cho ngài ! »

Vừa dứt lời, nó thấy chúa mèo phùng lên rồi gầm ngào, nhả nanh, giương vuốt, nhảy bổ lên con dê, cắn xé, rút ra từng miếng thịt, nhai kệt-kệt. Ăn rồi lại nói : « Ít quá, bấy nhiêu đâu có đủ. »

Con gấu thấy mà rùng mình. Một con dê như vậy lớn bằng mười ông mà ông còn cho là ít, thiệt là nhỏ người mà to bụng.

Con chó sói rúc dưới đồng lá không dám hó hé gì hết, nghe ngừ ngào muốn thò đầu ra rình coi chúa mèo thế nào. Nó làm lá khô xào-xạt. Chúa mèo thấy lá lay động tưởng là chuột, nên phóng một cái tới nơi, hả họng phập xuống nhằm lỗ mũi sói. Sói hoảng hồn tung lá bay như con trốt, rồi chạy mất.

Chúa mèo ban đầu tưởng là chuột ; đến chừng thấy chó sói, sợ run en phát rét, thót lên cây định trốn. Lại nhè cây của con gấu núp. Gấu ta thấy sói bị cắn chạy mất, bây giờ chúa mèo leo lên cây mình thì chắc không khỏi, mới buông tay chân té một cái phịch nằm mất thở một hồi. Đến chừng tỉnh hồi mới lật đật chạy tuốt vô rừng không dám ngoái đầu lại.

12. — Chị Ngọc.

Trong một làng bé nhỏ kia, có hai vợ chồng một gã nông-phu lam-lụ lăm. Người chồng, ngày chí tối lo công việc đồng áng, còn chị vợ ở nhà lo việc bếp núc heo cú.

Siêng năng thì vẫn thiệt siêng năng, nhưng chị vợ có tật ngu dần quá đỗi. Nhiều khi anh chồng thấy vợ không khôn lanh gì hết gọi ngay là con Ngọc. Rồi từ đó trong xóm đều gọi chị là chị Ngọc.

Hai vợ chồng có nuôi một con heo định để đến ngày trong làng kỳ-yên thì làm thịt dâng trả lễ cho Thánh - thần vì trong một cơn bệnh-hoạn anh có vái hể được lành mạnh thì cúng một heo.

Heo nuôi đà trọng đến. Một hôm, anh chồng mắc lo làm-lụng ngoài đồng, chị vợ ở nhà đang lui-cui trong bếp. Bỗng từ ngoài đường đi vào một người cao lớn, râu-ria bó hàm, quần áo rộng thùng, ở lưng có thắt một sợi dây bằng vải màu vàng mà đã lợt đi nhiều chỗ, mỗi dây thì bỏ tòn-ten bên hông.

Chị Ngọc thấy người lạ mặt mới hỏi : « Cậu vào có việc chi ? » Người ấy đáp : « O ! Ta là quân hầu của Thần - nhơn. Nghe nhà chị có nuôi sẵn một heo để cúng Thần nên đến đây bắt.

— Bẩm cậu, nhà tôi có tính như vậy thật, nhưng nhà tôi không cho tôi biết bữa nay cậu đến bắt heo nên chậm trễ. Kìa, con heo trong chuồng đó. Cậu bắt lấy.

Người lạ mặt trối giò con heo, rồi vác lên vai, ra đi thẳng vào rừng. Chiều lại, người chồng về, chị Ngốc thuật lại việc người đến bắt heo, anh chồng giận quá bảo rằng :

— Mi tên Ngốc thiệt đúng lắm. Rõ-ràng chúng gạt bắt heo mà không biết. Rồi heo đâu mà cúng-kiến đây. Thằng trộm ấy đi ngả nào ?

— Đi vào đường rừng đó.

— Thôi mi đi theo ta để kiếm thằng trộm ấy.

Anh chồng ra đi một đôi xa mà chị vợ còn lục-đục ở sau. Người chồng ngó lại thì thấy vợ mới ra khỏi nhà mà bỏ cửa tét bét.

Anh chồng thấy vậy la lên : « Cánh cửa. » Vừa la vừa ra dấu. Chị Ngốc tưởng chồng chỉ cánh cửa biểu vác theo mới trở vào nhô quách lên, lơn-ton chạy theo, sau. Vô đến rừng thấy vợ mới đến mà lui-hội mang tấm cửa trên vai, anh giận quá nói rằng :

— Mi vác cái gì vậy ?

— Thì nhà bảo tôi vác cánh cửa theo.

— Thiệt người ngu không ai bằng ! Mắc con vợ như vậy cũng bằng một cục nợ !

Hai người mới kê vai khiêng cánh cửa, đi quanh lộn trong rừng mà tìm không ra thằng trộm heo.

Đi đà mệt, chúng đói bụng, vùng nghe từ trong xa có tiếng cộp học. Hai vợ chồng sợ hoảng leo lên cây trốn. Chị vợ cũng không bỏ cánh cửa, mang theo lên ngồi trên cháng hai mà chờ cộp đi qua.

Ngày tối lần ; xuống thì không dám xuống, chúng định chắc phải ngủ ở trên cây, mới làm thỉnh làm thế. Đến khuya bỗng có tiếng ào-xào dưới gốc làm chúng giật mình. Rồi kể nghe heo kêu. Anh chồng sẽ lén dòm xuống thấy ba bốn người đang chia vàng bạc với nhau. Thôi rồi đây là bọn trộm.

Chúng nó gây-gổ với nhau vì chia không công-bình. Anh đầu đảng la lớn bảo ым. Chừng ấy chị Ngốc nhìn rõ là người bắt heo,

mới lấy tay chỉ cho chồng thì tấm ván tuột xuống đất nghe một cái rầm. Anh chồng xanh mét mặt, sợ bọn trộm thấy thì chắc bị chúng giết.

Nhưng bọn này lại hô lên : « Yêu tinh kia ! Nó hiện-hình trên cây đó ! » Nói rồi chạy tuốt vào rừng, bỏ tiền bạc và heo lại dưới gốc cây.

Chị Ngọc và chồng chị leo xuống, lượm tất cả bỏ vào lưng rồi để heo lên cánh cửa, khiêng tuốt về nhà.

13. — Con mèo đội đèn.

Thuở xưa, có hai vợ chồng một thương-gia kia giàu có đệ nhất ; nhà cửa lộng lẫy ; đến bậc vua chúa cũng không bì được. Ông bà có nuôi một con mèo khôn lắm. Trong nhà khách khứa lúc nào cũng đông nghẹt. Ban đêm các thương-gia trong xứ hay tụ đến để bài bạc cùng nhau. Hễ mỗi lần gầy sòng lại thì con mèo lãnh phần đội đèn để cho khách đánh bạc.

Một khi kia, có anh lái buôn chở hàng-hóa đến bán cho vợ chồng lão thương-gia ấy. Hóa-phẩm đã cất lên hết. Tối lại anh lái lên nhà ông chủ để tính tiền bạc.

Đâu đấy xong rồi, thì trong nhà lại gầy sòng. Anh lái buôn thấy mèo đội đèn lấy làm ngạc nhiên mới hỏi :

— Ông chủ nuôi mèo thế nào mà khôn quá ?

— Tôi nuôi lâu lắm và nó là một giống mèo từ ngoại-quốc đem vào.

— Nó ngồi đội đèn được bao lâu lận ?

— Mình đánh tới chừng nào thì nó ngồi tới chừng nấy.

Anh lái không tin. Hai vợ chồng lão thương-gia mới bày đánh cá. Nếu đánh đến sáng mà mèo vẫn ngồi yên thì anh lái phải thua ; trái lại hễ nó làm đổ đèn thì chủ nhà phải thua. Hai bên đều ưng

thuận, cam kết ai thua thì gia-tài phải giao sạch, còn người phải làm tôi trọn đời. Chúng cứ đảng hoàng ; khách ngồi vào sòng. Đánh đến sáng mèo vẫn ngồi yên. Anh lái đành chịu thua, giao hết tài-sản, ghe cộ và phải ở làm tôi luôn cho chủ nhà.

Anh lái đi buôn hèn lâu mà không thấy về ; người vợ nóng lòng trông chồng không đặng bèn lặn lội đi tìm.

Đến nơi mới hay tin chồng bị thua cá đến nỗi tiêu hết tiền của và phải ở mại cho người. Chị trở về xứ, lo tom góp tiền bạc và định mua hàng-hóa để trở sang qua một lần nữa đặng lo mưu cứu chồng.

Chị suy nghĩ lâu lắm không biết dùng phương-thế nào giải ách cho chồng. Một đêm kia, chị nằm mộng thấy một bà tiên tóc bạc như bông nhưng mặt mày còn trẻ, một tay chống gậy, một tay cầm một cái túi, nói rằng :

« Nhà ngươi hiền từ, có lòng trung tín với chồng nên ta cảm-động, cho ngươi vật này để giải ách cho chồng ngươi. »

Nói rồi bà đưa cái túi cho chị, thì ra trong túi có một con chuột bạch. Tỉnh giấc lại không thấy gì ráo, chị ngụ ý có lẽ thần-nhơn mách bảo mình, bèn đi kiếm cho đặng chuột bạch. Thời may trong xóm chị ở có nhà kia nuôi bộ, hình thù giống in như chuột và dạn lắm. Chị nài nỉ mua cho được và đem về tập con bộ rất khôn. Chị ngồi đâu thì nó lẩn-quẩn bên mình và có khi nó đến ăn đồ vật của chị để trong lòng bàn tay.

Đến một ngày kia, khi đã gom góp được một số vốn khá to, chị mua hàng-hóa để chở qua bán cho lão thương-gia. Tới nơi, hàng-hóa cất xong, tối lại chị lên nhà tính tiền. Lần này chủ nhà cũng gầy sòng đánh bạc, và cũng bắt mèo đội đèn. Khách khứa vầy quanh bàn, bày ra chuyện cá với nhau. Chị cũng bằng lòng cá hết gia-tài của chị nếu mèo vẫn ngồi yên cho đến mãn sòng bài ; bằng chẳng thì chủ gia phải chịu thua mất hết gia-tài và phải trọn đời làm tôi cho chị.

Vào sòng đến khuya, chị thả con bọ bạch của chị ra để nó lẩn-quần theo chỗ chị ngồi. Mèo đang đội đèn thấy bọ tưởng là chuột, nhảy tới chụp và nhai ngóu, làm đổ cây đèn xuống.

Ông chủ gia thua cuộc, đành phải giao hết tiền của cho chị và ở tội với chị. Chị cứu được chồng khỏi cảnh nô-lệ và sửa-soạn về xứ.

Ghe đến nửa đường, ông chủ gia nghĩ bị thua trí đàn bà nên tức mình nhảy xuống sông tự-tử; còn bà chủ gia thấy chồng liều mình cũng bắt chước nhảy theo. Cả hai đều thành một cặp cá nước lội lên lội xuống trong khúc sông ấy luôn. Người ta lại còn thấy cặp cá ấy hay nổi lên mặt nước thở khi-khì làm nước phun có vòi; thiên-hạ cho rằng chúng bị uất-ức nên mới thở khi-khì như vậy.

Thuật theo khẩu truyền.

14. — Con Thanh-loan.

Hồi xưa, tại nước Ba-tư có một nhà vua và hoàng-hậu kia không con, nên chùa nào, đền thờ nào ngài cũng đến lễ bái để cầu tự. Vì hết lòng thành kính nên Trời Phật cũng chứng chiếu, khiến cho hoàng-hậu thọ thai, sanh đặng một công-chúa đặt tên là Bạch-Tuyết.

Ngày sanh công-chúa, điềm lành phát hiện; trong nhà hào-quang sáng rỡ; rồi bỗng nhiên một bà tiên từ ngoài đi vào tận phòng của công-chúa.

Tiên-nữ ấy xách một cái lồng sơn đỏ; bên trong có một con chim màu xanh, mỏ và chân đều đỏ. Chim nhảy nhót, hót nghe riu-rít. Bà để lồng trên bàn và đi ngay lại nói công-chúa nằm. Vua và hoàng-hậu thấy bà đến, cầu bà ban phép cho công-chúa và hỏi tương-lai ra làm sao. Tiên-nữ nói:

« Công-chúa sẽ là người vẹn toàn, đủ tài đủ đức. Nhưng đến năm 16 tuổi, không nên cho công-chúa ra khỏi đền. Để phòng sự bất trắc, ta giao lại cho công-chúa con chim này làm bạn. Nó là giống chim linh hiệu biết tiếng người. Ta gọi nó là Thanh-loan. »

Nhà vua mới truyền đem treo lồng chim trong phòng công-chúa và dạy dọn yến tiệc đãi-dàng Tiên-nữ.

Lớn lên công-chúa thích Thanh-loan lắm, ngày chỉ tối nàng nghe chim hót không biết nhàm và Thanh-loan cũng triều mến công-chúa, nó quây-quần bên nàng luôn, vì nàng không nhốt nó ở trong lồng nữa mà lại để cho nó bay thong thả.

Đến năm công-chúa Bạch-Tuyết lên 16 tuổi thì vua và hoàng-hậu truyền kén chọn phò-mã.

Thuở ấy tại một đồng sa-mạc, ngoài kinh-đô nước Ba-tư mấy mươi dặm có một thầy phù-thủy xấu-xí mà lại chột mắt, tóc tai chôm bôm, râu ria bó hàm. Thầy thường mặc y-phục màu đỏ nên thiên-hạ gọi thầy là Hồng-độc-nhãn. Thầy ở trong một thạch-động xa chốn thị-thành. Bỗng nhiên trước thạch-động lại nổi lên một hòn đá giống hình con rùa mà từ trong miệng phun ra một vòi nước trong trẻo và mát lạnh. Nước ấy có phép làm lành các tật bệnh.

Tiếng đồn đến kinh-đô. Vua và hoàng-hậu định dắt công-chúa ngự đến thạch-động mà xem sự lạ. Xe giá tới nơi thấy thiên-hạ đông nghẹt ; kẻ lo lấy chai, người lo lấy gàu hứng nước ; thậm chí có kẻ quên phép lịch-sự cỡi trần để tắm nước linh.

Vua cùng hoàng-hậu và công-chúa đứng trên dòng suối thấy nước trong tận đáy. Thình-lình công-chúa lùi lại vì thấy dưới nước một bóng người kỳ-quái đầu cổ rối nùi, râu hoe hoe bó hàm, miệng cười rạch tận mép tai và hai hàm răng chom-chởm, trên đầu lại đội một cái mũ nhọn đen cao nghệu.

Công-chúa Bạch-Tuyết thấy con người dị hình nên lui khỏi bờ ; nàng ngó ngoái lại thì thấy phù-thủy đã chần ngăn đứng sau lưng, mắt nhắm mắt mở, coi ra còn ghê tợn hơn nữa. Thầy ấy nói :

« Muôn tâu bệ-hạ, bệ-hạ cũng đi giá đến thỉnh nước linh nữa chăng ? »

Quân hầu thấy lão phù-thủy không kính nể nhà vua nên xua lão đi xa. Lão cười hả hả và nheo mắt ngó công-chúa. Nàng làm như bị một mãnh-lực gì bắt nàng rùng mình, và xin vua cha lánh chỗ ấy. Thầy phù-thủy bảo :

« Công-chúa muốn đi a ! Rồi nàng cũng phải tự đến đây một mình. »

Vua dạy quân-gia đuổi ngay lão phù-thủy nhưng lão nói rằng :

« Bệ-hạ quên rằng tôi đủ phép làm cho bệ-hạ phải nghe theo sao ! Đến mai nếu bệ-hạ không đưa công-chúa sang thạch-động tôi, thì bệ-hạ sẽ thấy công-chúa bị câm. »

Quân hầu thấy lão ngang tàng quá muốn ra tay bắt lão thì lão đã đào tẩu mất.

Vua và hoàng-hậu về đến đền bắt buồn bực và lo ngại vì mấy lời đe dọa của thầy phù-thủy. Ngày sau, công-chúa đang ngồi trong cung vuốt ve con Thanh-loan, bỗng nhiên té ngửa chết giấc. Chùng tỉnh dậy thì nói không đặng, lấy tay chỉ vào miệng mà ú-ớ, ra tuồng tức bực lắm. Vua và hoàng-hậu lắng-xăng thấy công-chúa bị tật một cách kỳ lạ, thì biết là lão phù-thủy thực hiện lời đe dọa của lão, bèn truyền lệnh cho quân lính đi bắt lão. Quân-gia rần-rộ kéo đi ; đến khi dẫn lão về thì thấy bộ điệu lão tự nhiên như không có việc gì, không một dấu sợ hãi. Lão lại còn cười nhe bộ răng chom chồm như cào cỏ. Vua truyền dắt lão vào cung và phán rằng :

— Người làm cho công-chúa bị câm, bây giờ người phải làm cho công-chúa lành bệnh ; nếu không, người sẽ bị cầm ngục mãi đời.

— Bệ-hạ cầm ngục tôi thì công-chúa phải bị hóa thân làm chim cú ngay.

Đã không vưng lời lại còn đe dọa nữa. Vua liền bảo hạ ngục lão phù-thủy tức thì. Bỗng đâu công-chúa đang ngồi trong cung vụt ngã ngửa dẫy-dụa một hồi rồi biến thành một chim cú lông lá u-xù, bay nháy cùng trong cung. Vua và hoàng-hậu lính-quính thấy công-chúa biến hình kỳ quái, không biết phương-thế nào mà cứu. Con Thanh-loan cũng lăn-quần bên mình. Vua mới than rằng :

« Này Thanh-loan, mi hãy về cho Tiên-nữ hay đặng cứu công-chúa. »

Thanh-loan nghe lời, liền bay đi. Thành-linh Tiên-nữ hiện ngay trước mặt vua và nói :

« Bệ-hạ quên lời dặn của ta, bảo đến năm công-chúa đúng 16 tuổi dừng cho ra khỏi đền. Nay lão phù-thủy đã hóa hình công-chúa ra thế này, không làm sao cứu mạng, vì ta không biết câu thần-chú của lão. Thế phải đợi đến chừng thái-tử Huỳnh-Sa thấy mặt công-chúa thì mới biến lại hình người được. Bây giờ đây phải để công-chúa trong lồng Thanh-loan và treo ở nhà mát trong hoa-viên. Bệ-hạ hãy cấm cung-nhơn léo hánh lại đây. »

Vua truyền làm y như lời, kể đó Tiên-nữ làm phép cho cây cỏ mọc um-tùm, dây leo chằng-chịt bao trùm cả hoa-viên làm thành một khu vườn hoang-vu.

Thuở ấy bên nước láng-diềng của xứ Ba-tư có một thái-tử tên Huỳnh-Sa, tính thích phiêu-lưu. Một khi kia có đoàn thương-khách định băng đồng sa-mạc để qua Ba-tư đặt buôn bán. Thái-tử Huỳnh-Sa xin phép vua cha giả dạng thường dân theo đoàn khách buôn để du-lịch. Được phép, ngài sửa-soạn hành-trang ra đi. Đến nước Ba-tư, ngài đi viếng thạch-động và các lâu-đài ở kinh-đô.

Một ngày kia, khi đi qua đền vua, ngài vùng thấy một con chim xanh mỏ đỏ bay đậu trên cành cây phía đằng trước ngài. Thấy chim lạ, ngài trông theo, chim mới líu-lo mấy câu ; vì ngài hiểu biết tiếng chim, nên ngài hết sức ngạc nhiên :

« Này thái-tử Huỳnh-Sa ! Hãy theo ta ; theo ta thì sẽ gặp nhân duyên đây ! »

Hót rồi, lại bay đi. Thái-tử nom theo chim, lại thấy đến một cái vườn hoang, cây cối um-tùm, cỏ cây gai góc mọc đầy. Chim ấy lại đậu trên cành và hót :

« Này thái-tử Huỳnh-Sa ! Hãy theo ta ; theo ta thì gặp nhân duyên ! »

Hót rồi lại bay vô trong vườn. Thái-tử vào vườn thì gai góc vệt ra hai bên đường như tránh đường cho ngài đi thông thả. Đến nhà mát, ngài thấy một cái lồng sơn đỏ đẹp-đẽ mà bên trong có một con chim cú đứng ú-rũ, lông xù lên coi dơ-bẩn lắm và hai mắt dường như đượm nước.

Thái-tử Huỳnh-Sa bước vào nhà mát, vói tay mở cửa lồng thì bỗng nhiên lồng và chim đậu mất, chỉ thấy công-chúa Bạch-Tuyết đổi lại hình người, sụp quì xuống và nói rằng :

« Cảm ơn thái-tử có lòng cứu thiếp ; thiếp xin mời ngài đến đền vua cha để vua cha trả ơn. »

Thái-tử theo công-chúa vào đền thì cũng vừa gặp Tiên-nữ đến. Tiên-nữ thuật rõ đầu đuôi cho thái-tử biết và vua cha định gả công-chúa Bạch-Tuyết cho thái-tử Huỳnh-Sa.

Đến ngày cưới, thái-tử xin với vua cha thả lão phù-thủy để làm một việc lành trong ngày hôn-phối.

15. — Con mèo mang hia.

Hồi thuở mà loài động-vật còn nói đặng tiếng người, có một lão kia, chủ một nhà máy xay bột, mắc phải bệnh mà thác một cách thình-lình, nên không kịp làm di-chức chia gia-tài cho ba đứa con đặng.

Khi tổng-táng ông rồi, người con lớn giành cái nhà máy ; con thứ thì bắt con lừa ; bấy giờ chỉ còn có con mèo, thằng con út đành phải lãnh. Nó mới than với mèo rằng :

— Hai anh ta còn có phương-thế làm ăn, duy có ta thiệt không biết kế nào mà sinh-nhai. Có lột da mi mà làm ống trùn tay rồi thì cũng trở lại vô-kế.

Mèo trả lời rằng :

— Chủ đừng lo gì hết. Bất phần nhằm tôi chưa phải thua sút ai đâu. Chủ hãy may cho tôi một đôi hia để đi trong gai-góc khỏi bị đâm và một cái túi nhỏ có dây thắt miệng lại, rồi chủ sẽ thấy mình không kém ai đâu.

Nghe lời mèo, chủ nó may cho nó một đôi hia và một cái túi. Một bữa kia nó mang hia vào và lấy cái túi ra đi. Nó lén vào một vườn vườn nuôi thỏ, lấy cái bả vào túi rồi nằm ym đợi ; hễ thỏ chun vào túi thì nó tóm lại. Thời may, một con thỏ đâu mon-men

lại, thấy cải xanh tươi ngon lành chun vào để ăn. Mèo rình gần đấy, lật-đật túm miệng túi lại rồi xách quách thỏ đi.

Nó đem thỏ đến hoàng-thành và xin vào yết-kiến nhà vua. Được lệnh cho vào, nó mới thưa rằng :

« Muôn tâu bệ-hạ, chủ tôi là hầu tước Ca-ra-bách sai tôi đem cho bệ-hạ con thịt này mà ngài vừa săn được. »

Vua có mấy lời cảm ơn, bảo mèo về truyền-đặt lại cho hầu tước.

Lần sau, mèo lại núp trong một đám lúa, mở miệng túi sẵn-sàng, nằm một lúc lâu bắt đặng hai con đa-đa. Nó cũng đem dâng cho vua nói rằng của hầu tước sai nó mang đến. Lần này vua lại thưởng cho nó một ly rượu. Nó cứ tiếp-tục làm như vậy trong vài tháng. Một khi kia nó được tin vua sẽ ngự ra chơi ngoài đồng với công-chúa. Nó lật-đật nói với chủ nó rằng :

« Nếu chủ làm theo lời tôi thì chắc-chắn sẽ trở nên giàu có. Bây giờ chủ làm bộ ra tắm ngoài rạch tại chỗ tôi chỉ, rồi để đó mặc tôi. »

Hầu tước Ca-ra-bách làm y theo lời mèo dặn, nhưng không hiểu nó định làm gì. Trong lúc ông tắm dưới rạch, vua đi ngang qua trên bờ, mèo ta mới la lớn lên rằng : « Bớ người ta ! Bớ người ta ! Hãy cứu giùm hầu tước Ca-ra-bách. Ngài bị chết đuối kia kia ! »

Nghe tiếng la, vua thò đầu ra cửa xe và nhận ngay là mèo đã từng đem dâng thịt săn cho ngài, bèn truyền quân-gia mau mau chạy lại vớt hầu tước.

Trong khi người ta lo cứu hầu tước lên khỏi nước, mèo lại gần xe vua và tâu rằng chủ nó đang tắm thì quân trộm đã đến ăn cắp hết quần áo. Vua sai quân hầu về lấy y-phục của ngài đặng cho hầu tước mặc đỡ.

Hầu tước Ca-ra-bách thay đổi y-phục rồi, đến yết-kiến nhà vua. Nhờ mặc quần áo đẹp nên ngài tặng vẻ bánh-bao. Công chúa cũng đem lòng yêu chuộng. Vua cho phép ông hầu tước lên xe cùng ngài đi dạo.

Mèo thấy kế mình gần thành, bèn lật-đật chạy trước, gặp một đám người đang phát cỏ trong đồng. Nó liền bảo rằng : « Đây mấy

anh, một lát nhà vua đi qua, có hỏi các anh phát cỏ cho ai, mấy anh phải trả lời là cho ông hầu Ca-ra-bách nghe không ! Nếu không các anh sẽ bị chết bầm như tương. »

Quả thật, khi vua đến, hỏi đồng cỏ của ai thì cả thấy đều trả lời là của hầu tước Ca-ra-bách.

Rồi mèo lại chạy trước nữa, gặp một tốp công gặt. Nó cũng nói : « Này mấy anh, một lát nhà vua đi qua, có hỏi mấy anh gặt lúa cho ai, mấy anh phải trả lời là cho hầu-tước Ca-ra-bách nghe không ! nếu không các anh sẽ bị chết bầm như tương. »

Một chặp vua đi qua đến, cũng hỏi mấy anh công gặt làm cho ai, thì cả thấy đồng trả lời là cho hầu tước Ca-ra-bách. Vua mới day lại khen rằng : « Sự-nghiệp của hầu tước cũng to lắm đấy ! »

— Muôn tâu bệ-hạ, thiệt ra mỗi năm, hạ-thần thâu một số huê-lợi cũng bộn-bàng.

Mèo cũng lật-đật chạy trước ; nó đi đến lầu đài của lão Chăn. Nó ghé vào xin ra mắt. Mèo nói : « Thừa ngài, tôi vừa đi qua đền ngài, nên bươn-bả vào viếng ngài và chúc ngài sống ngàn tuổi. »

Lão Chăn thấy mèo ngon ngọt lời nói mới mời ngồi. Mèo lại tiếp :

— Thừa ngài, tôi nghe thiên-hạ đồn rằng ngài biến hình làm voi, làm sư-tử gì cũng được phải không ngài ?

— Thật vậy. Nhà người để coi ta biến làm sư-tử.

Nói rồi lão Chăn biến thành một con sư-tử dữ-tợn và to lớn khác thường. Mèo thấy thế, dong lên mái nhà trốn mất. Đến chừng lão Chăn biến lại hình người, nó mới dám xuống và nói rằng :

— Thôi ngài làm tôi sợ quá. Người ta còn đồn rằng ngài biến làm thú nhỏ nhỏ như chuột cũng đặng nữa, nhưng tôi không tin, vì ngài to lớn quá.

— Sao lại không được ! Đây, nhà người hãy coi ta biến làm chuột.

Nói rồi, lão Chăn biến thành con chuột chạy quanh quần trong phòng. Mèo liền nhảy tới chụp lấy và ăn tươi. Lão Chăn bị mèo ăn thịt rồi thì vua cũng vừa đến trước lầu-đài. Mèo ra rước vua vào và

nói rằng : « Muôn tâu bệ-hạ, đây là lầu-đài của hầu tước Ca-ra-bách, xin bệ-hạ hãy vào nghỉ chơn.

Vua xuống xe, thì hầu tước Ca-ra-bách mới dẫn công-chúa vào đền. Đến nơi thấy một gian phòng rộng-rãi và đẹp lộng-lẫy, cổ-bàn dọn sẵn-sàng, vì lão Chăn cũng sắp-sửa tiếp khách của lão. Đủ các món ngon vật lạ. Vua đang ăn, bỗng nói với hầu tước rằng :

« Trẫm xem hầu tước và công-chúa xứng đôi lắm, vậy trẫm gả công-chúa cho ngài. »

Nhờ mèo mà hầu tước được làm phò-mã, nên phong cho mèo làm quan đại-thần.

Dịch theo Bê-rôn.

16. — Con chó sói ngu dần.

Hồi đó có một con chó sói ngu dần cực-điêm, đến nỗi không biết cách thế nào để đi kiếm ăn, nên một ngày một ốm-o gầy-yếu. Một khi kia, nó đói gần chết, tìm đường lên trời, xin vào châu Thượng-đế.

« Muôn tâu đức Thượng-đế, tôi đói gần chết, kiếm không ra một con mồi. Xin đức Thượng-đế ra ơn mọn chỉ cho một con thịt dặng dỡ lòng. »

Thượng-đế đang ngự ở đền ngọc, thấy vậy cũng tội-nghiệp, mới phán rằng :

— Mi muốn ăn vật gì ?

— Muôn tâu đức Thượng-đế, chẳng nệ là vật gì, miễn có thịt để no lòng thì thôi.

— À kia ! Mi thấy không ? Con ngựa cái của lão thầy tu đang ăn cỏ dưới đồng đó. Nó mập béo lắm, nếu muốn thì xuống ăn nó đi.

Sói thấy mồi, lòng mừng phơi-phới, nhảy đại xuống trần, đến trước mặt ngựa, vừa nói vừa thở hào-hển :

— Này chị ngựa, Thượng-đế cho phép tôi đến đây ăn thịt chị.

— Thiệt sao ! Vậy mà ngài định ăn tôi thế nào ? Bắt đằng đầu hay bắt đằng đuôi trước ?

— Bắt đằng đầu, đã đành rồi.

— Ai mà ngu đến thế ! Bắt đằng đuôi chớ ! Ngài có lợi bởi vì trong lúc ngài ăn đằng đuôi thì tôi vẫn ăn cỏ như thường ; tôi mập thêm lên thì có phải ngài ăn được ngon không !

— Chị nói có lý lắm. Thôi thì tôi bắt đằng đuôi ăn trước.

Sói mới ra phía sau, định nhảy tới tấp một miếng thật to cho đã khẩu, nhưng trong lúc ấy, con ngựa búng sói một đá, bắn lộn ngược phía sau, làm nó đà hõn bất phụ thê, máu mồm chảy ra linh-láng. Nó chạy một mạch, chui vào hang trốn mất. Ngồi suy nghĩ một hồi : « Chớ phải hồi nãy ta cần cở nó thì có đâu đến đổi nầy. »

Nó trở lên, ra mắt Thượng-đế một lần nữa và trình ngài coi thân-hình bị vết tích của nó : miệng mồm sưng vù lại mất hết mấy cái răng. Khi thấy mặt nó, Thượng-đế phán rằng :

— Ủa ! Một con ngựa cái to như vậy mà còn chưa no sao, lại tới nữa !

— Muôn tâu đức Thượng-đế ! Nó dữ quá, nó đá tôi gãy hết sáu, bảy cái răng.

— Vậy ! Kìa mi thấy con dê đực dưới trũng núi kia không ? Xuống đó ăn nó đi.

Sói lật-đật dong xuống trềng núi. Thấy dê mập béo quá, sói đã phấp-phới trong lòng. Nó nói rằng :

— Nầy chú mập mập kia ! Thượng-đế cho phép tôi ăn thịt chú đây.

— Úy ! Trời ơi ! Ngài ăn thịt tôi thiệt à ! Mà ngài ăn đằng đầu hay đằng đuôi trước ?

— Đằng đầu ! Đằng đầu !

— Vậy mời ngài ngồi trên lè kia, hả miệng sẵn đi, rồi tôi đến đưa đầu dung ngài xơi.

Sói ngồi chễm chệ trên lè, hả toác miệng ra, nghĩ đến mùi ngon của thịt dê đã nhều nước miếng. Dê ghì đầu xuống, đằng xa nhảy tới kê hai sừng cụng đại vào ngực sói, làm sói ngã ngửa ra, sặc máu

mũi chảy đầm-dề. Sói nằm rên hù-hù, đến chừng bớt đau, mở mắt ra mới tự trách : « Thiệt là ta khờ quá ! Bao giờ chuối tự nó nhảy đút miệng voi. Thôi thế này phải lên Thượng-đế một lần nữa. »

Đức Thượng-đế lại phán rằng :

— Cũng là mi ! Hãy ra khỏi chốn này cho mau.

— Muôn tâu đức Thượng-đế, tôi bị dê cụng vào ngực, rêm cả thân mình. Đã vậy mà bụng đói xo, chẳng ăn được miếng thịt nào.

— Kia ! Thấy không ? Dưới đường kia có người làm rớt miếng mỡ. Mau xuống ăn đi !

Sói nhảy xuống đồng, thấy miếng mỡ béo lầy, nó mới suy nghĩ : « Miếng mỡ ngon thật, nhưng nó đã thấm muối rồi. Vậy phải kiếm chỗ uống nước trước rồi hãy ăn. »

Nó đi kiếm dòng nước, trong lúc ấy người đi đường làm rớt miếng mỡ quày lại lượm lên. Tới chừng sói trở lại thì miếng mỡ đâu mất. Nó mới nói : « Thật mình ngu quá ! sao ai lại uống trước khi ăn ; tính bậy như vậy hèn chi hực mồi. Thôi còn có thể lên trước Thượng-đế chớ biết làm sao bây giờ. »

Vừa thấy mặt nó, đức Thượng-đế phát nộ lên :

— Cũug là mi nữa ! Mi làm rộn quá ! Ta đã chỉ cho mấy con mồi rồi mà còn lẻo-đẻo đến đây nữa. Kia, mi thấy con heo đang ủi đất ngoài ruộng kia không ? Xuống ăn thịt nó đi !

Sói buron-bã xuống, thì thấy một con heo mập ú đang lấy mỏ ủi đất thành vũng dặng nằm phơi nắng.

— Ê chú heo ! Tôi đói bụng mấy ngày rày nên Thượng-đế cho phép tôi ăn thịt chú đây.

Heo trả lời :

— Ngài không tìm dặng miếng mồi nào khác hay sao ? Một con thỏ cũng không có nữa à !

— Không ! Không có gì hết.

— Lạ quá ! Mạnh bạo như ngài mà tìm không ra một con thịt thì khó hiểu quá. Thôi ngài hãy nghe lời tôi. Trong làng hiện nay, người ta đang lo bầu cử một vị đáng kính nề như ngài dặng làm cả.

Ngài ngồi trên lưng tôi đây ; vào đó, hể ngài đắc-cử rồi thì mặc sức mà ăn đủ thứ.

— Tính vậy cũng được.

Rồi đó, sói nhảy lên lưng heo về làng. Vừa đến cổng, heo học rum lên. Sói mới nói :

— Làm gì vậy ? Người học lên làm gì ?

— Nếu không học lên thì làm sao thiên-hạ tề-tự lại để bầu-cử ngài.

Nói rồi heo cứ học thêm mãi. Người trong làng chạy ra thấy sói, liền kẻ vác gậy, người vác chĩa đập chết sói, làm tiêu-ma cái mộng làm cả để ăn mâm.

17. — Chiếc ghế khảm vàng.

Một hôm đức Thượng-đế cùng các tiên-ông và thánh-mẫu ngự ra vườn đào để thưởng đào vừa mới chín, nên giao cho Thái-bạch Kim-tinh coi sóc đèn ngọc và giữ thiên-môn. Trước khi đi, đức Thượng-đế có dặn ông Thái-bạch mấy lời, bảo đừng cho ai vào đèn ngọc hết.

Kim-tinh ngồi một mình buồn-bực mới đi ra phía trước thiên-môn để xem dưới thế-gian. Bỗng có một người nhỏ thó, áo-quần dính đầy những bụi-bặm, xem rất dơ-bẩn, mồ-hôi lại chảy dầm-dề, đến trước mặt ngài mà nói rằng :

— Bạch tiên-ông, xin ngài làm phước cho con vào nhà một chút để nghỉ đỡ chân.

— Đây đâu phải chỗ nghỉ chân mà xin vào. Ai muốn vô thì vô sao !

— Bạch đại-tiên, con cũng biết như thế, mà nếu ngài rõ tình-cảnh của con, chắc ngài cũng động lòng mà thương-hại đến. Con làm thợ may mà đã thất-nghiệp lâu rồi ; đến đâu cũng tìm không ra việc làm, nên hiện nay con không nhà cửa gì mà bụng cũng đói xo.

— Biết như vậy rồi, mà đâu phải quyền-hành của ta. Thôi hãy đi nơi khác, đi xuống âm-phủ mà kêu-nài.

— Bạch đại-tiên, đi đâu con cũng đi được, nhưng bây giờ cẳng chân con bị đi đường xa, nên lở trầy-trụa hết. Con đi không nổi nữa, xin tiên-ông cho con tạm nghỉ, rồi đến chừng khỏe-khoản con sẽ đi. Nếu ngài có quần-áo gì rách để con vá lại cho.

Thấy vậy cũng thương tình, Kim-tinh bèn cho nó vào đền ngọc. Nhưng ngài lại bảo : « Vào thì được, nhưng nhà ngươi hãy núp trong kết hóc nào đó, đừng để cho đức Thượng-đế biết mà nguy đa! »

Chú thợ may được vào đền ngọc rồi, núp trong một cái xó, không dám hó-hé gì hết. Chú nhìn quanh-quất không thấy ai, nên làm gan chui ra để đi cùng trong đền cho biết. Chú đi đến một tòa lâu-đài lộng-lẫy và hào-quang chói sáng như mặt trời. Dòm trước, dòm sau không thấy một bóng ai, chú mới nói thầm :

« Thiệt là quý biết bao nhiêu; ngọc, ngà, châu, báu, kể làm sao cho xiết. Mỗi cái ghế cũng chạm ngọc, khảm vàng, còn cái ngai của đức Thượng-đế ngự thì chiếu như ngọc minh-châu. » Chú thợ may thấy chỗ đẹp-đẽ quá mới nghĩ rằng : « Giá mà ngồi đặng trên ấy, chết cũng đành nhắm mắt. »

Cái ngai ấy là phép bửu của thiên-dinh. Hễ ngồi lên đó thì thấy rõ những việc ở thế-gian, không có gì là khuất lấp được.

Chú thợ may đâu có biết cái nhiệm-mầu ấy. Chú men men lại ngồi lên, mà không dám ngồi chính-đỉnh, kê dít ghé ngoài cạnh, sợ Kim-tinh vào thỉnh-linh mà khó chối cãi. Sau rồi, không thấy ai, chú ngồi lên một cách chễm-chệ trên ngai.

Vừa ngồi thì thấy ở dưới thế-gian lao-xao lộn-xộn, kẻ này tranh quyền, người kia giành lợi. Chú thấy một bà lão giặt ủi, đi lãnh đồ về giặt, thừa dịp chủ nhà xây lưng, lấy hai cái khăn choàng đút vào đồng áo-quần rồi mang đi.

Chú thợ may thấy vậy giận quá, ngó quanh-quất không có vật vừa tay, chú mới xách phứt một chiếc ghế khảm vàng ném đại lên

đầu bà lão giật ủa. Nhưng không trúng. Bây giờ chú mới suy-nghĩ :
« Làm sao lấy ghế lại ; thôi hãy trốn đi chớ ở đây mang họa. »

Đức Thượng-đế và các thần, thánh, cùng tiên-ông về đến đền. Đức Thượng-đế bỗng thấy mất một chiếc ghế khảm vàng, mới gọi Thái-bạch vào phán rằng : « Chiếc ghế khảm vàng đâu mất đi ? Lão giữ đền có lẽ lão hiểu duyên-cớ chớ ! »

Thái-bạch mới thú thật có chú thợ may vào nghỉ chơn, để gọi nó ra coi có lấy không. Chú thợ may đến trước ngai vàng, run rẩy, quì mọp dưới điện mới thuật lại tự-sự. Đức Thượng-đế phán rằng :

« Người làm gì mà được phép thưởng phạt ; rồi ghế của Ta người lại ném xuống trần. Nếu Ta làm như người vậy, thôi thì trong đền ngọc này phải trống lỗng cho đến cả đồ vật-dụng trong này cũng không còn món nào, nếu hề thấy một người làm quấy ở thế-gian thì ra tay liệng như nhà người. Nói cho người biết, trừ Ta ra không còn ai được quyền thưởng phạt. Chỉ có một mình Ta mới rõ lẽ sâu-xa của hành-động con người. Tỷ như các nhà truyền giáo làm bộ rườm-rà lo cảm-hóa dân hắc-chủng kia, lo lập hội cứu vớt kẻ này, hội phước-thiện khác cứu kẻ hàn-vi nọ không khác gì hơn mấy chú đầu trộm đuôi cướp, chỉ có Ta mới có quyền trừng phạt, mà Ta còn không làm thay huống chi nhà người. Hãy đi ra cho khỏi chốn này. »

Chú thợ may riu riu đi ra, nhưng dừng bước lại tâu rằng :

— Muôn tâu đức Thượng-đế, bây giờ làm sao con về dưới thế-gian đặng. Sức con đã kiệt rồi. Về làm sao mà sống, không ai mướn làm công việc gì hết.

— Người day lưng lại đây.

Nói rồi đức Thượng-đế thổi một hơi, chú thợ bay bổng về trần. Chú đang lần-thần một mình trên con đường gồ-gề, vụt thấy hai tiên-đồng ôm ghế khảm vàng bay về trời.





MỤC-LỤC

Lời nói đầu	Trương	5
1. — Gã tiểu-phu xác-xược		7
2. — Anh thối tiêu		10
3. — Chị Cỗ-Phi		12
4. — Ông sáo biết nói		13
5. — Chú Lằm-bằm		19
6. — Nàng Da lừa		23
7. — Ba điều ước kỳ-khôi		27
8. — Cô bé Ngọc-Hạnh		28
9. — Lão Bần với Tử-thần		31
10. — Tiếng nói của động-vật		36
11. — Gia-đình chị Chồn		40
12. — Chị Ngốc		43
13. — Con mèo đội đèn		45
14. — Con Thanh-loan		47
15. — Con mèo mang hia		51
16. — Con chó sói ngu-đần		54
17. — Chiếc ghế khảm vàng		57



C. C. P. 7245.57, **MINH-TÂN** Tél. DAN. 74-87

7 Rue Guénégaud, Paris VI

Đại-lý tại Việt-Nam :

BÍCH-VÂN THU-XÃ, 105 đại-lộ Galliéni, Saigon.

TRƯỜNG-THI, 48 *bis* phố Trường-thi, Hanoi.

ĐÃ XUẤT-BẢN :

- Hán-Việt Từ-diễn (hết) Đào-duy-Anh.
Danh-từ Khoa-học (Vạn-vật-học) Đào-văn-Tiến.
Pháp-Việt Từ-diễn Đào-duy-Anh.
Triết-lý đã đi đến đâu ? Trần-đức-Thảo.
Bệnh sốt rét ngã nước Nguyễn-Hoán.
Danh-từ Khoa-học (Toán, cơ...) Hoàng-xuân-Hãn.
Đông-Á trên trường Chánh-trị Quốc-tế
(1840 - 1950) Lê-văn-Sáu.
Danh-từ Y-học, bác-sĩ Phạm-khắc-Quảng và Lê-khắc-Thiền.
Bài đọc quốc-văn (I, II, III) Lê-văn-Chánh.
Phénoménologie
et matérialisme dialectique Trần-đức-Thảo.
Cỗ-kim đồng-thoại Lê-văn-Chánh.

SẴP XUẤT-BẢN :

- Học tiếng Việt-Nam Lê-văn-Chánh.
Hán-Việt Từ-diễn (tái-bản lần thứ ba) Đào-duy-Anh.
Thi-văn Việt-Nam Nguyễn-văn-Cồn.
Văn tập đọc Một nhóm giáo-sư.

TỔNG-PHÁT-HÀNH :

- Bệnh lao phổi bác-sĩ Đặng-văn-Hồ.

NHÀ XUẤT-BẢN

MINH-TÂN

ĂN-LOÁT PHÁT-HÀNH

B U Ô N đủ các thứ sách Việt-ngữ và
ngoại-ngữ (Pháp, Anh...),
đủ các thứ giấy, vở, mực,
viết, vân vân...

LÃNH IN sách, báo, toa, hóa-đơn,
thiệp, lịch vân vân...

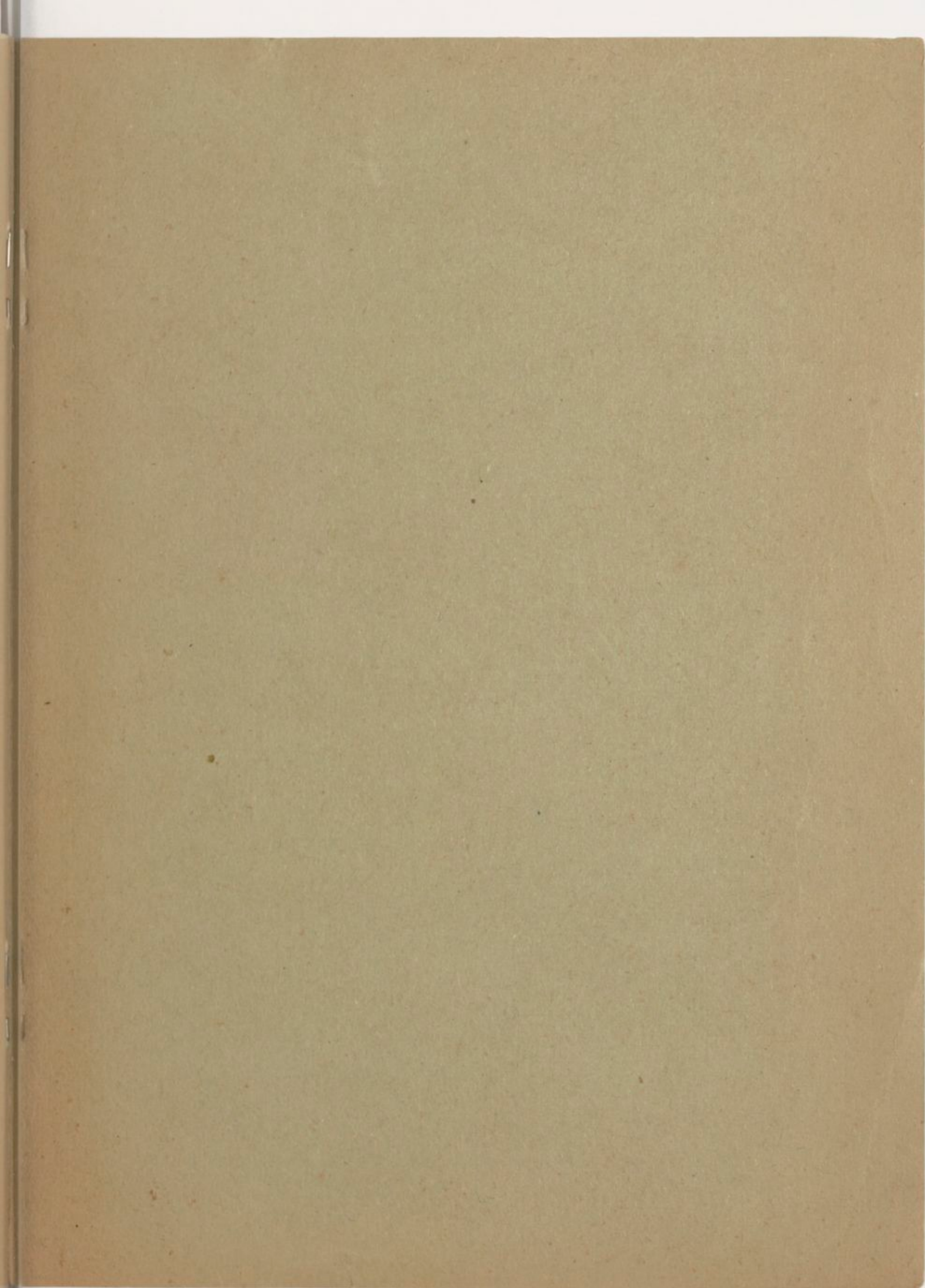
Bán sách Việt-ngữ y giá ở Việt-Nam.

Achévé d'imprimer en Août 1951

Dépôt légal 3^e trimestre 1951

N^o Editeur : 13

Editions MINH-TÂN



C. C. P. 7245.57.

MINH-TÂN

Tél. DAN. 74-87

7 Rue Guénégaud, Paris VI

Đại-lý tại Việt-Nam :

BÍCH-VÂN THU-XÃ, 105 đại-lộ Galliéni, Saigon.

TRƯỜNG-THI, 48 *bis* phố Trường-thi, Hanoi.

ĐÃ XUẤT-BẢN :

Hán-Việt Từ-điển (hết, đang in lại) Đào-duy-Anh.

Danh-từ Khoa-học (Vạn-vật-học) Đào-văn-Tiến.

Pháp-Việt Từ-điển Đào-duy-Anh.

Triết-lý đã đi đến đâu ? Trần-đức-Thảo.

Bệnh sốt rét ngã nước Nguyễn-Hoán.

Danh-từ Khoa-học (Toán, cơ Hoàng-xuân-Hân.

Đông-Á trên trường Chánh-trị Quốc-tế
(1840 - 1950) Lê-văn-Sáu.

Danh-từ Y-học, bác-sĩ Phạm-khắc-Quảng và Lê-khắc-Thiền.

Bài đọc quốc-văn (I, II, III) Lê-văn-Chánh.

Phénoménologie

et matérialisme dialectique Trần-đức-Thảo.

Cờ-kim đồng-thoại Lê-văn-Chánh.

Học tiếng Việt-Nam

Lớp nhứt, lớp nhì sơ-đẳng Lê-văn-Chánh.

SẴP XUẤT-BẢN :

Cách-trí. Lớp nhứt, trường sơ-đẳng Lê-văn-Chánh.

Thi-văn Việt-Nam Nguyễn-văn-Cồn.

Văn tập đọc Một nhóm giáo-sư.

TỔNG-PHÁT-HÀNH :

Bệnh lao phổi bác-sĩ Đặng-văn-Hồ.